

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Hoàng Hải Ninh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Hoàng Hải Ninh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Hoàng Hải Ninh

Mã SV: 1012401070

Lớp: QT1403K

Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải.

- Đánh giá ưu điểm, nhược điểm và đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu, sổ sách kế toán năm 2013 của Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải – Thị trấn Cát Hải – Huyện Cát Hải – Hải Phòng.

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.

- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động

- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.

- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:.....

- Điểm chữ:.....điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

PHẢN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2 Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.3.Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.4.Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	7
2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	12
2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
2.4.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
2.5.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	18
2.6.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
2.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	27
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI	28
1. Khái quát chung về công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải	28
1.1.Quá trình hình thành và phát triển	28

1.2.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	32
1.3.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	34
1.4.Tổ chức công tác kế toán	36
2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải	38
2.1.Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.....	38
2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	46
2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	54
2.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	61
2.5.Kế toán chi phí tài chính	64
2.6.Kế toán thu nhập khác.....	70
2.7.Kế toán chi phí khác.....	73
2.8.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	76
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI.....	83
1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.	83
1.1.Uưu điểm.....	83
1.2.Hạn chế.....	85
2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.	86
2.1.Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	86
2.2.Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.	86
KẾT LUẬN.....	100

LỜI MỞ ĐẦU

Những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế chuyển mình rõ rệt, những Công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó những doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra thấp nhất thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại, phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Để làm được điều đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc tập hợp, thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có quan tâm.

Vì vậy em chọn đề tài "***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải***" cho bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải .

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải .

Với mong muốn củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô và các bạn để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Lê Hoàng Hải Ninh

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong bối cảnh nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Đặc biệt với sự kiện Việt Nam gia nhập WTO vào cuối năm 2006 đã tạo cho nền kinh tế Việt Nam một sự khởi đầu mới và những thách thức mới. Để chống lại với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất, hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Muốn vậy, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt công tác hạch toán kế toán xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và đứng vững.

Thông qua việc xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp sẽ có được thông tin về lợi nhuận - yếu tố quan trọng nhất trong việc quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có thể tái mở rộng sản xuất kinh doanh, góp vốn liên doanh liên kết, tạo công ăn việc làm cho người lao động, và là nguồn để doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Đồng thời việc xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản lý có được thông tin về quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình để từ đó phân tích, đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, đem lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

Đối với nhà đầu tư: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định hợp lý.

Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện kiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định có cho vay không, nếu cho vay thì vay bao nhiêu và bao lâu.

Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp cho Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các Báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính, đặc biệt là các nhà đầu tư. Do đó, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình bán hàng, từng chủng loại, từng địa điểm, từng phương thức bán.

- Tính toán, phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hoá bán ra, bao gồm: doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm hàng, mặt hàng, của từng hoá đơn, của từng khách hàng, của từng đơn vị trực thuộc...

- Xác định chính xác giá mua, giá thành thực tế của hàng hoá đã bán ra (giá vốn), việc phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ để xác định chính xác kết quả bán hàng. Tập hợp đầy đủ, chính xác các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ kết chuyển chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ làm căn cứ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để

phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu cho ngành quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành.

- Kiểm tra đơn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn trả, tình hình trả nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.3. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1. Doanh thu

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong quá trình phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ (tức được khách hàng chấp nhận thanh toán).

- Các khoản thu hộ bên thứ 3 không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu. Ví dụ: đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng không được coi là doanh thu mà doanh thu chỉ tính là tiền hoa hồng được hưởng.

- Các khoản vốn góp của cổ đông, của chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không được coi là doanh thu.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

- Đối với mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi tiêu thụ trong nước thì doanh thu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt (giá thanh toán).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ

doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm hoạt động tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

Chiết khấu thương mại: Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định.

- *Quy định hạch toán:*

+ Trường hợp mua một lần với khối lượng hàng lớn, được hưởng chiết khấu thương mại và được giảm trừ ngay vào giá bán trên hoá đơn thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211.

+ Trường hợp mua nhiều lần mới đạt được khối lượng hàng lớn, được hưởng Chiết khấu thương mại thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng

+ Nếu doanh nghiệp vẫn phải chi tiền trả cho người mua thì số tiền đó được hạch toán vào TK 5211.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu qua biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác thì phải nộp thuế này.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không

khuyến khích sản xuất kinh doanh, hạn chế tiêu thụ như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

1.3.3. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau:

➤ **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra một thành phẩm. Đối với doanh nghiệp thương mại thì giá vốn hàng bán là tổng chi phí cần thiết để hàng có mặt tại kho (giá mua từ nhà cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm,...). Đối với một doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, giá vốn là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp và toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

➤ **Chi phí khác:** Bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.3.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính	=	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh
--	----------	--	----------	-------------------------	----------	-----------------------------------

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN.

1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

1.4.1. Bán hàng

Bán hàng là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người mua. Đồng thời người bán có quyền thu tiền về số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã chuyển giao cho người mua.

1.4.2. Các phương thức bán hàng

- ❖ *Bán hàng trực tiếp*
- ❖ *Bán hàng đại lý hay ký gửi hàng hoá*
- ❖ *Bán hàng trả góp, trả chậm*

❖ *Phương thức hàng đổi hàng*

2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✚ Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Hàng thuộc diện chịu VAT khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.
- Hàng thuộc diện chịu VAT trực tiếp thì doanh thu là giá bán có VAT (Tổng giá thanh toán).
- Hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB, thuế Xuất khẩu, doanh thu là giá bán có thuế TTĐB, thuế Xuất khẩu.
- Hàng nhận bán đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng, doanh thu là phần hoa hồng bán hàng
- Hàng bán theo phương thức trả chậm, trả góp, doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay 1 lần.

2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

2.1.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511** – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”

Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 - Doanh thu khác.

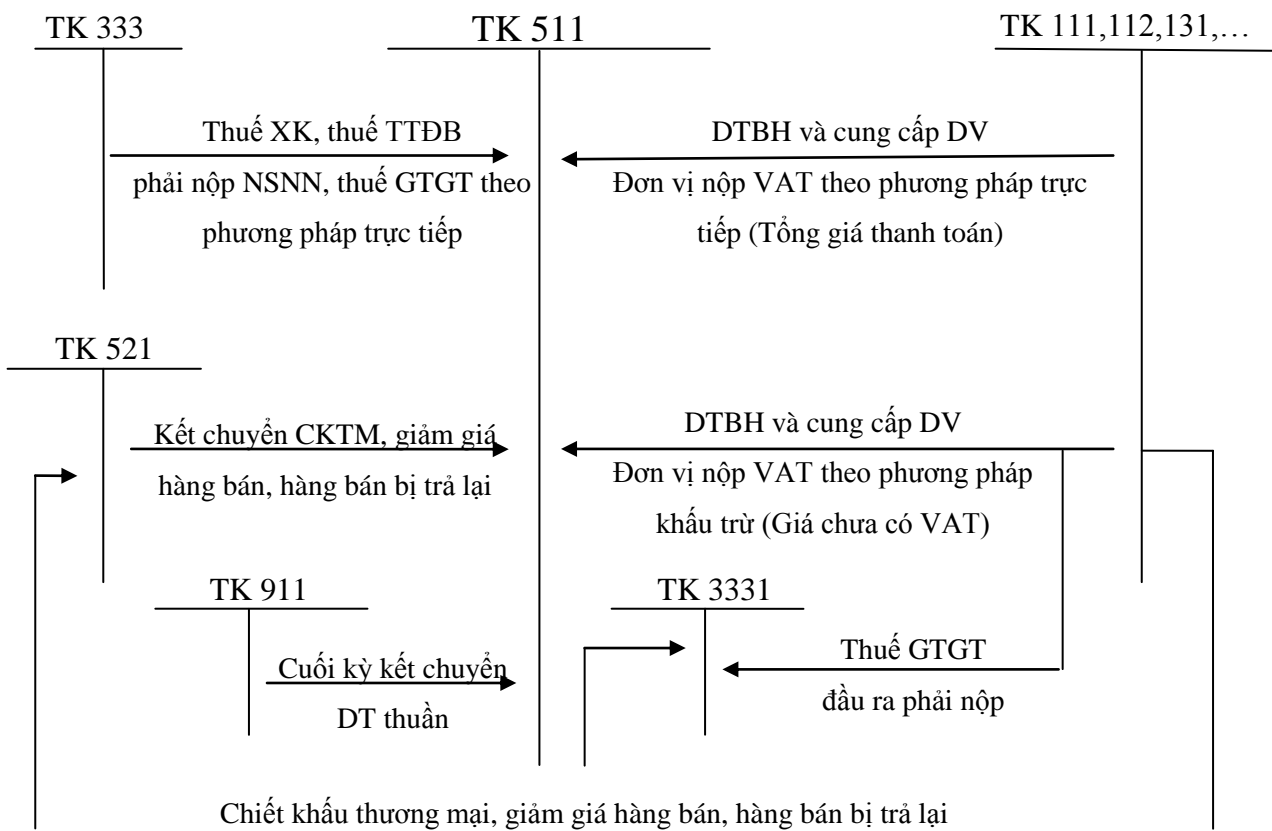
Kết cấu tài khoản 511:

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại - Kết chuyển DT thuần sang TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

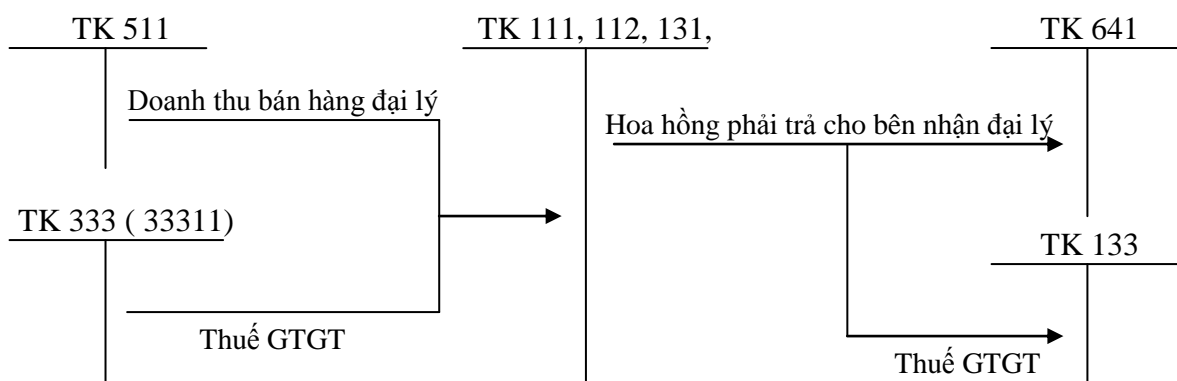
TK 511 không có số dư cuối kỳ

2.1.3. Quy trình hạch toán

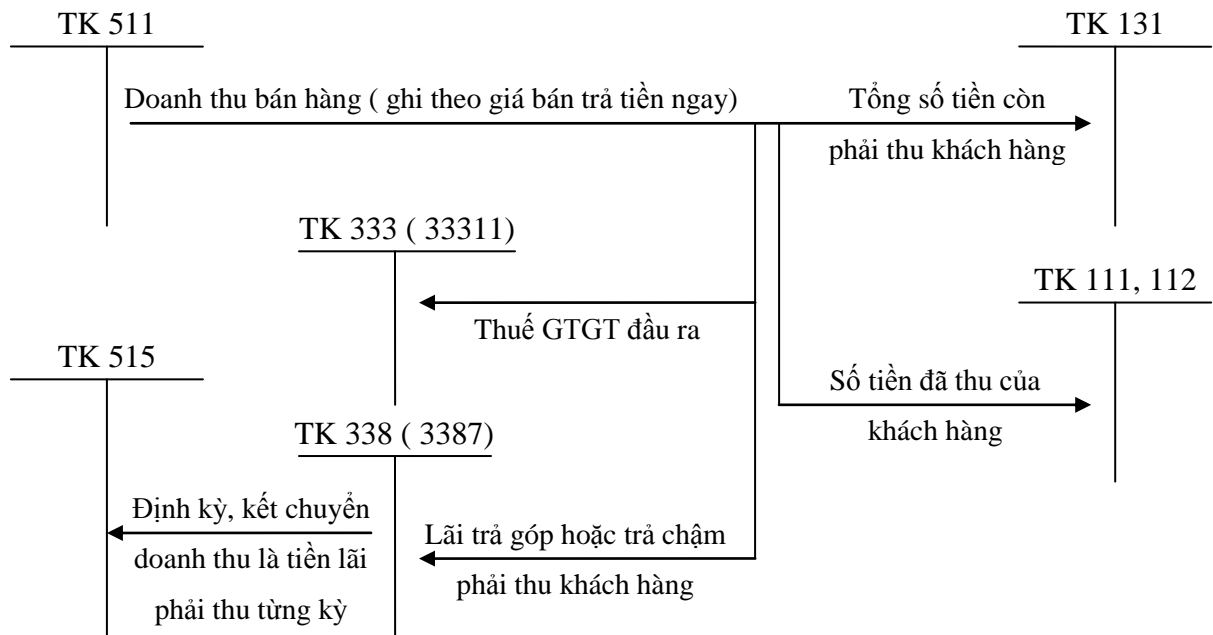
**Sơ đồ 1.1 - Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Kế toán bán hàng trực tiếp)**



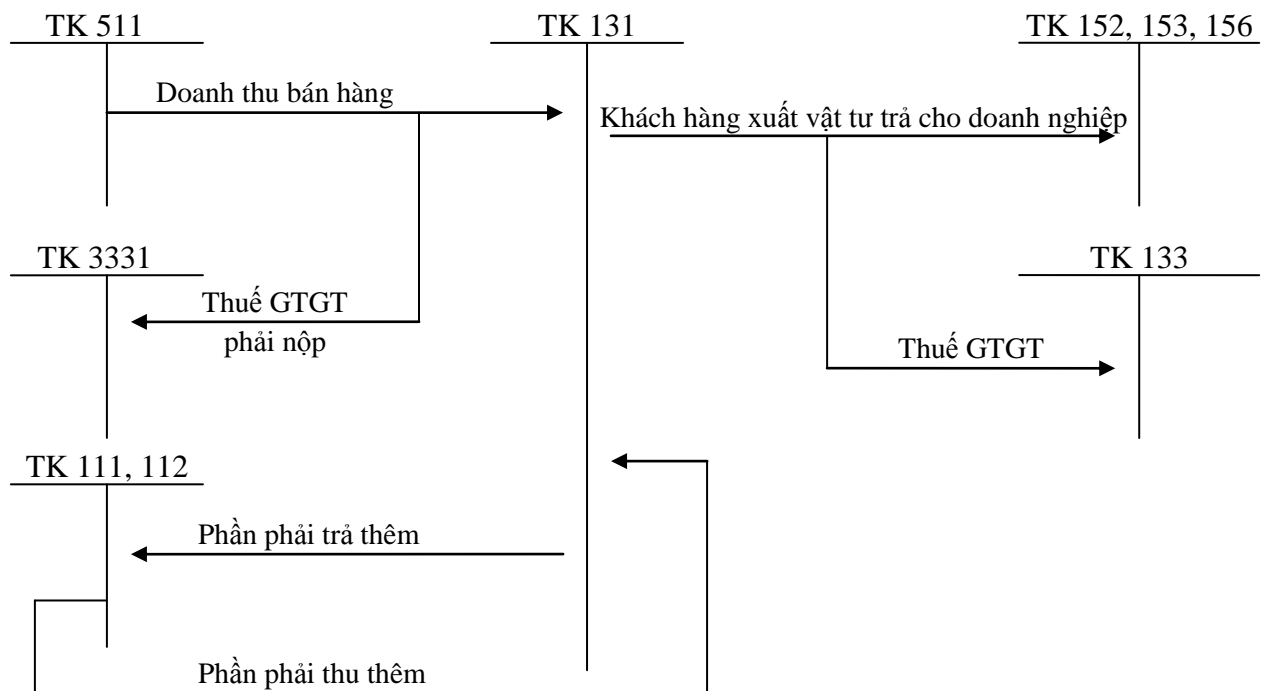
**Sơ đồ 1.2 - Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



Sơ đồ 1.3 - Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.4 - Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu nhập, phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ... và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2. Tài khoản sử dụng

• **TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản 521 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 521:

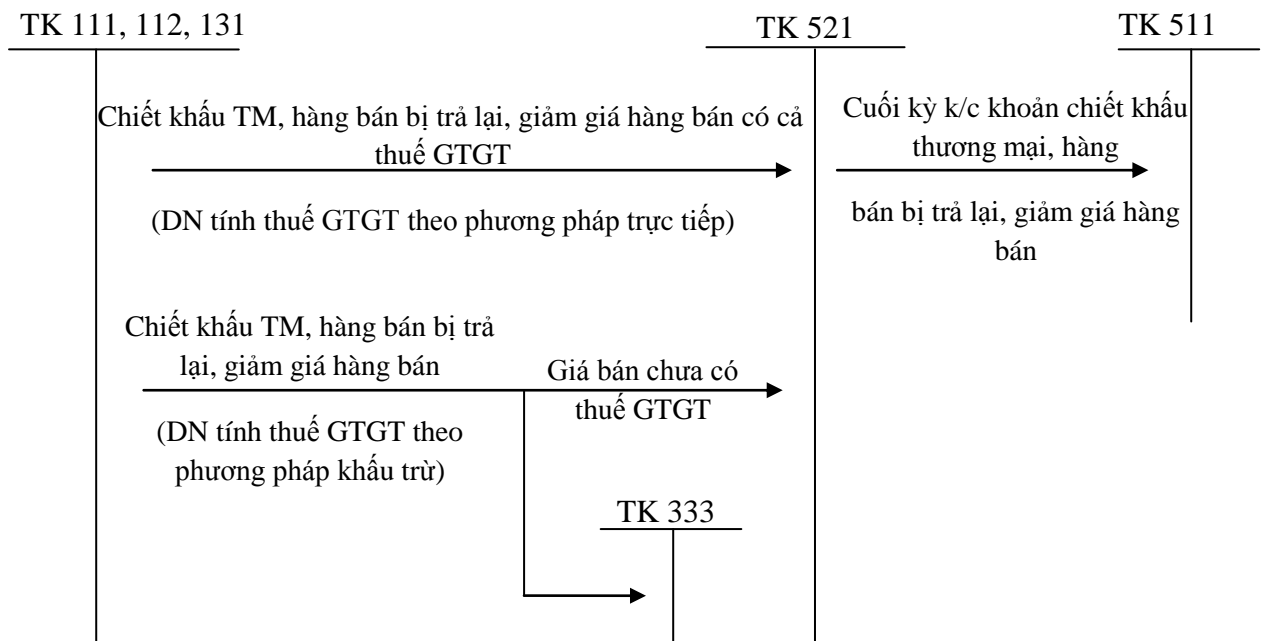
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra còn sử dụng **TK 333** “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333).

2.2.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.5 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

✚ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Theo chuẩn mực số 02-HTK, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh:** được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được .

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hoá đơn của chúng.

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau lần nhập thứ } i}$$

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác

2.3.2. Tài khoản sử dụng

Theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản **632 – “Giá vốn hàng bán”** để phản ánh trị giá vốn của hàng xuất bán trong kỳ.

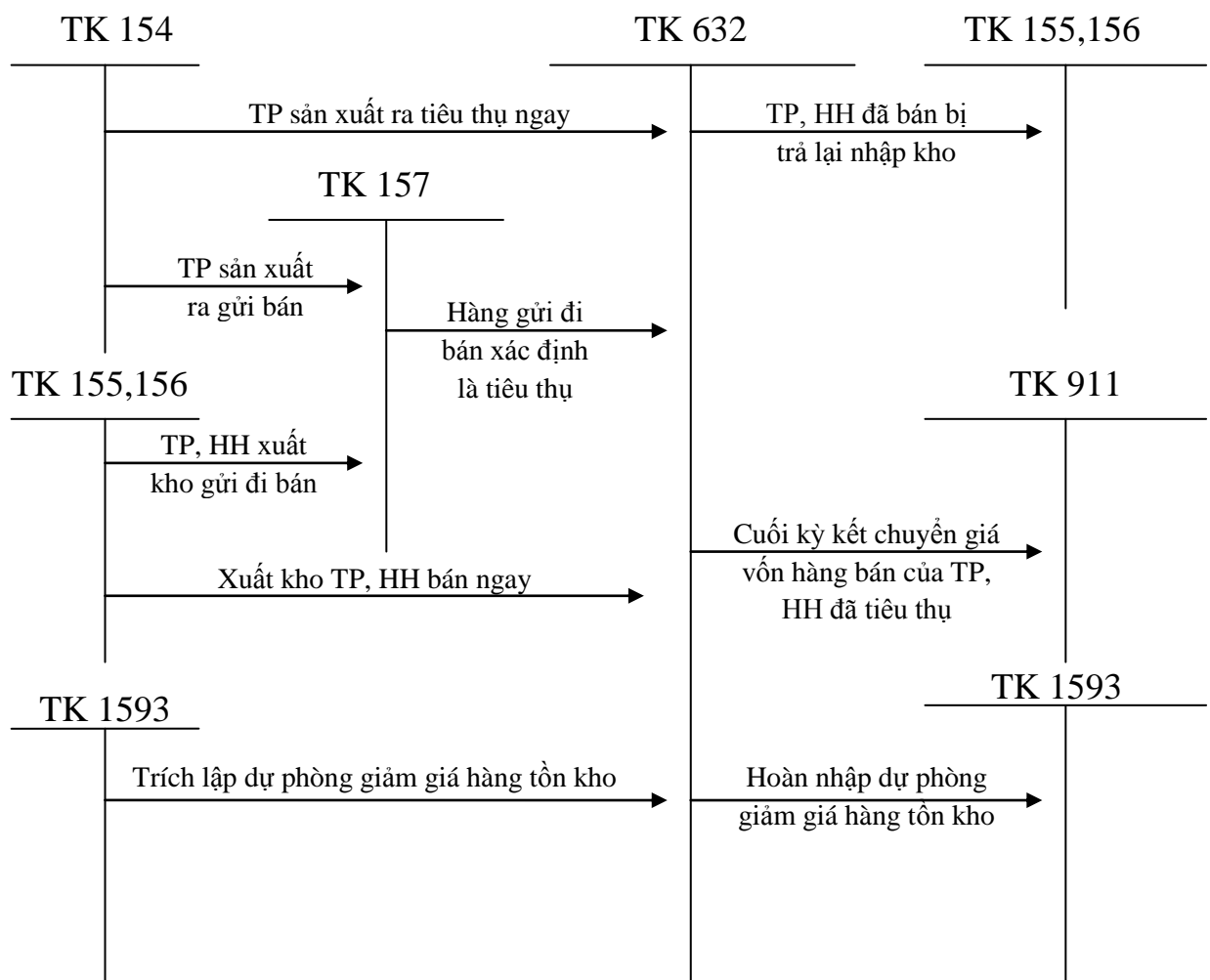
Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn hàng bán bị trả lại - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

2.3.3. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 1.6 – Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng, cước phí vận tải, hoá đơn GTGT...
- Phiếu chi
- Giấy thanh toán tạm ứng
- Bảng thanh toán tiền lương
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản 642 có các tài khoản cấp 2 sau:

- **TK 6421 - Chi phí bán hàng:** Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như: chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo quản, vận chuyển,...

- **TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp** Phản ánh các chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm một số nội dung: Các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

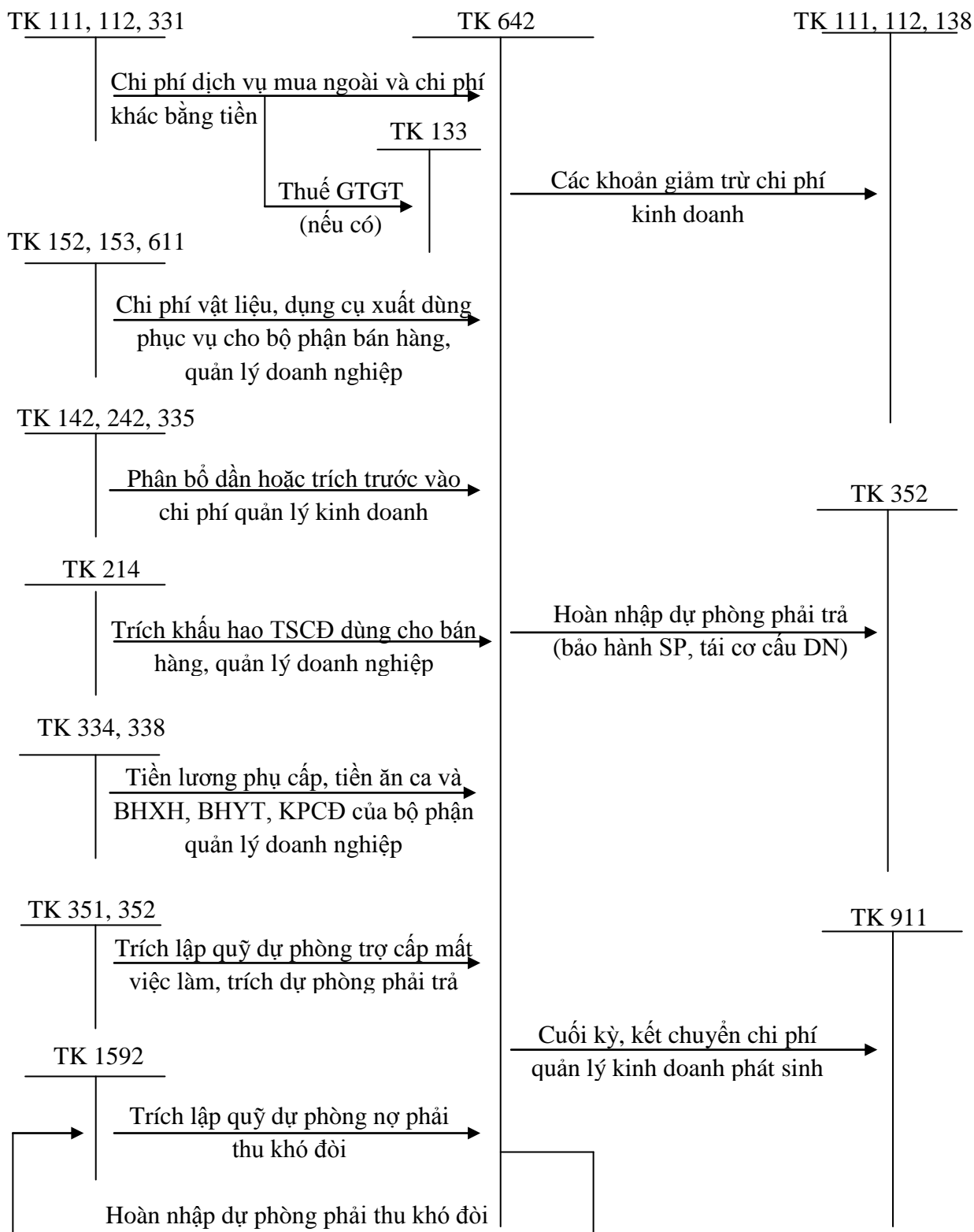
Kết cấu tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

2.4.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.7 – Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các khế ước cho vay, đi vay, biên bản ghi nhận nợ.
- Các chứng từ có liên quan...

2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

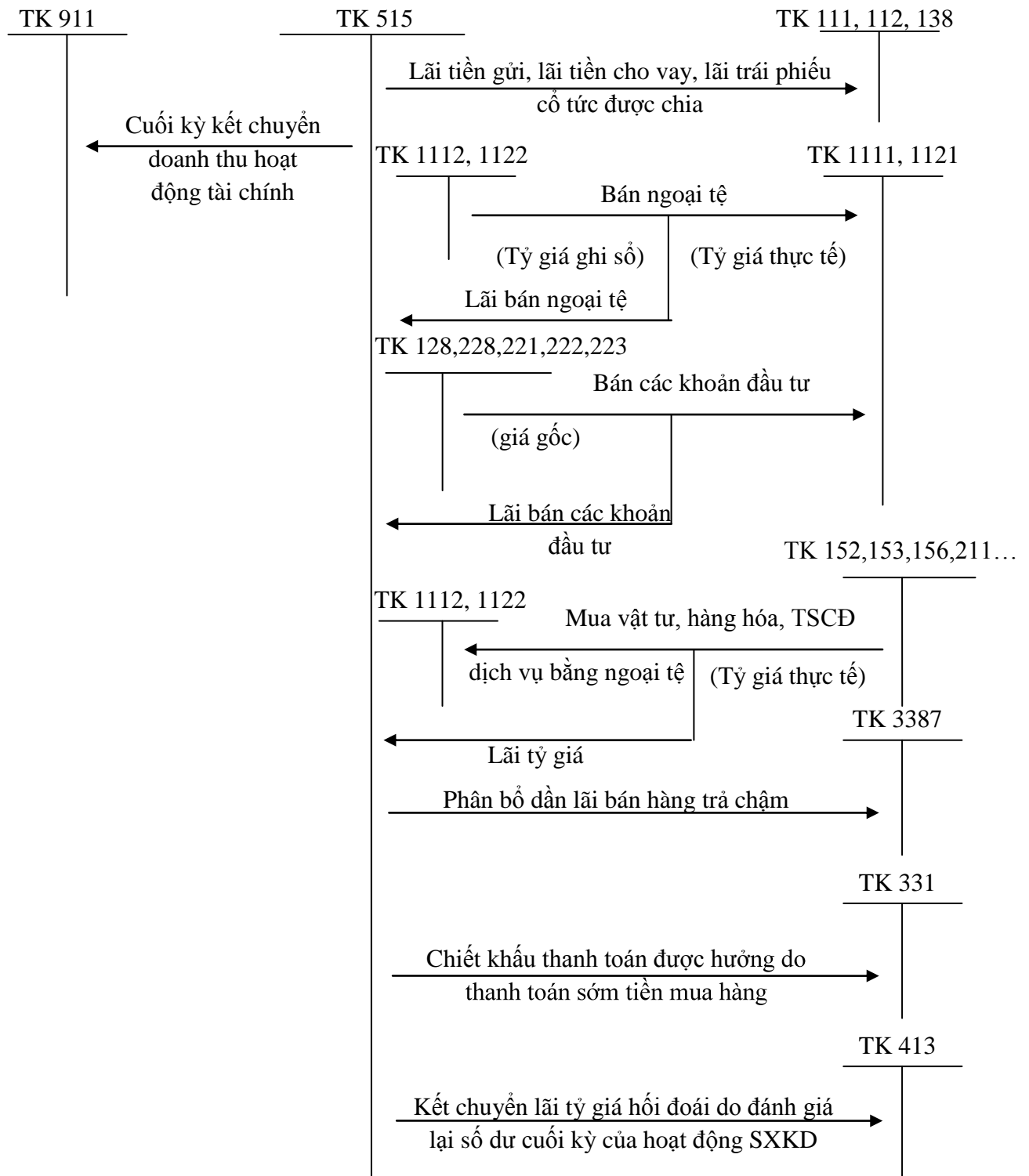
Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua,... 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

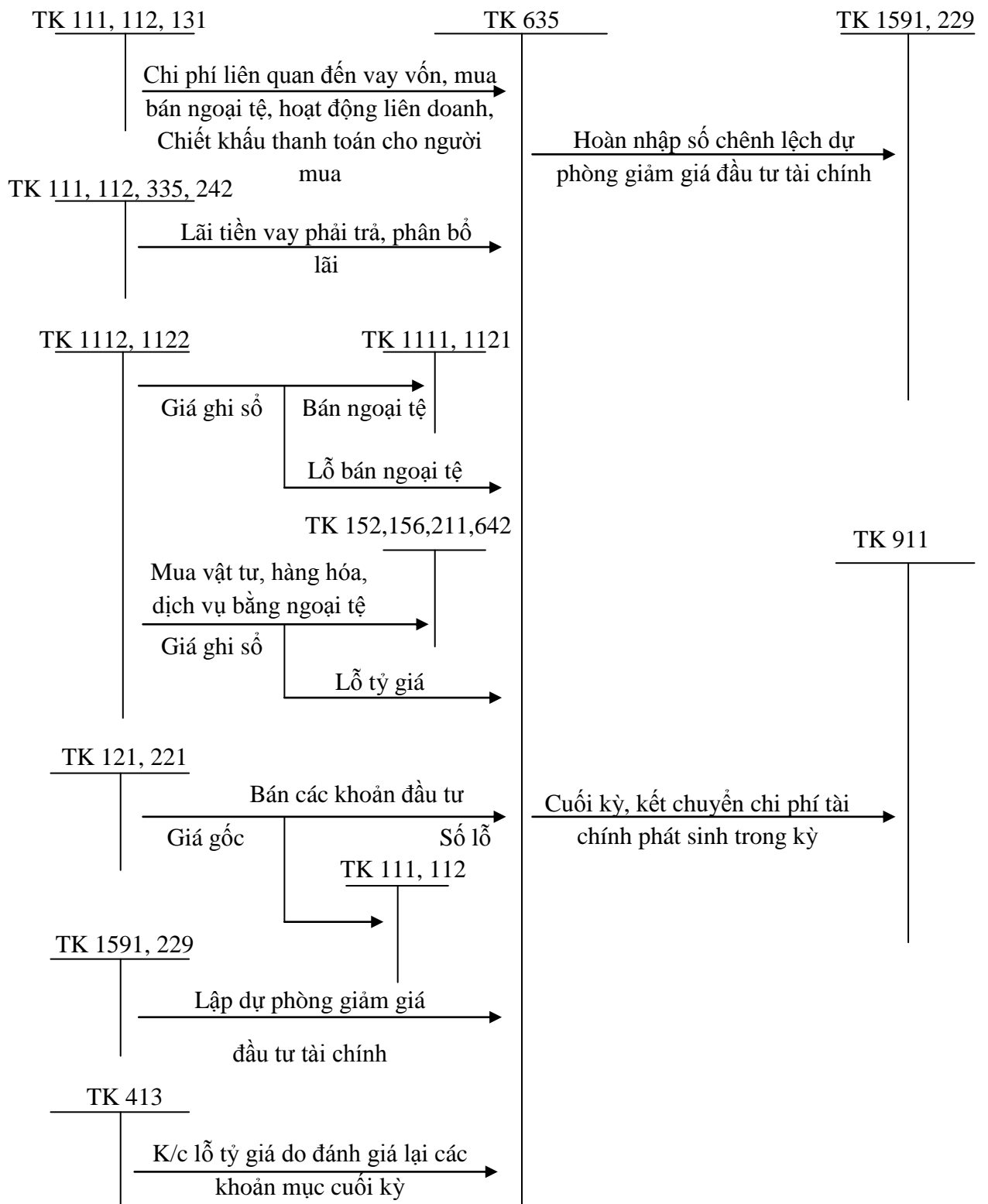
TK 635 không có số dư cuối kỳ

2.5.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.8 – Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9 – Kế toán chi phí hoạt động tài chính



2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác.**

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

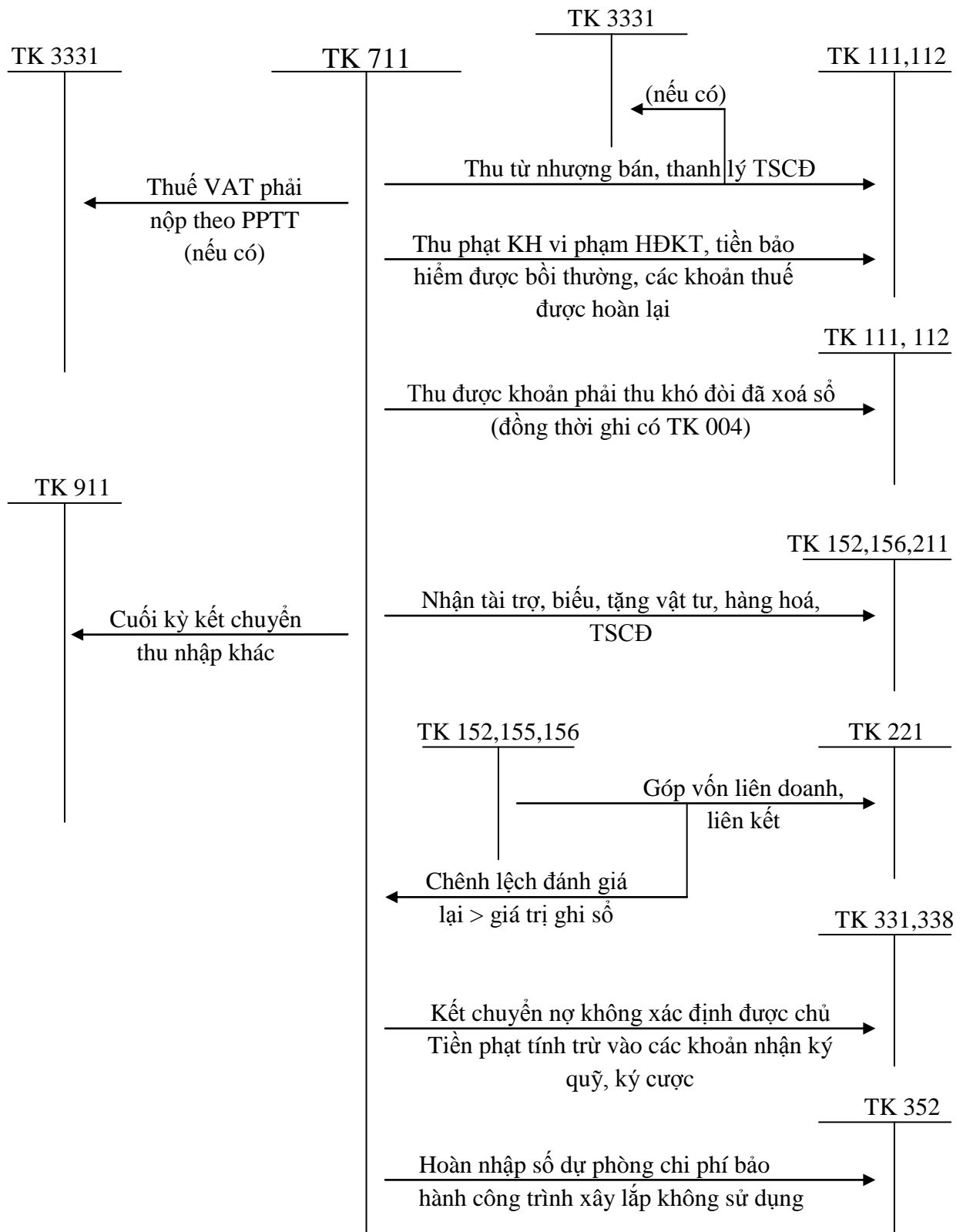
Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí khác sang TK 911 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

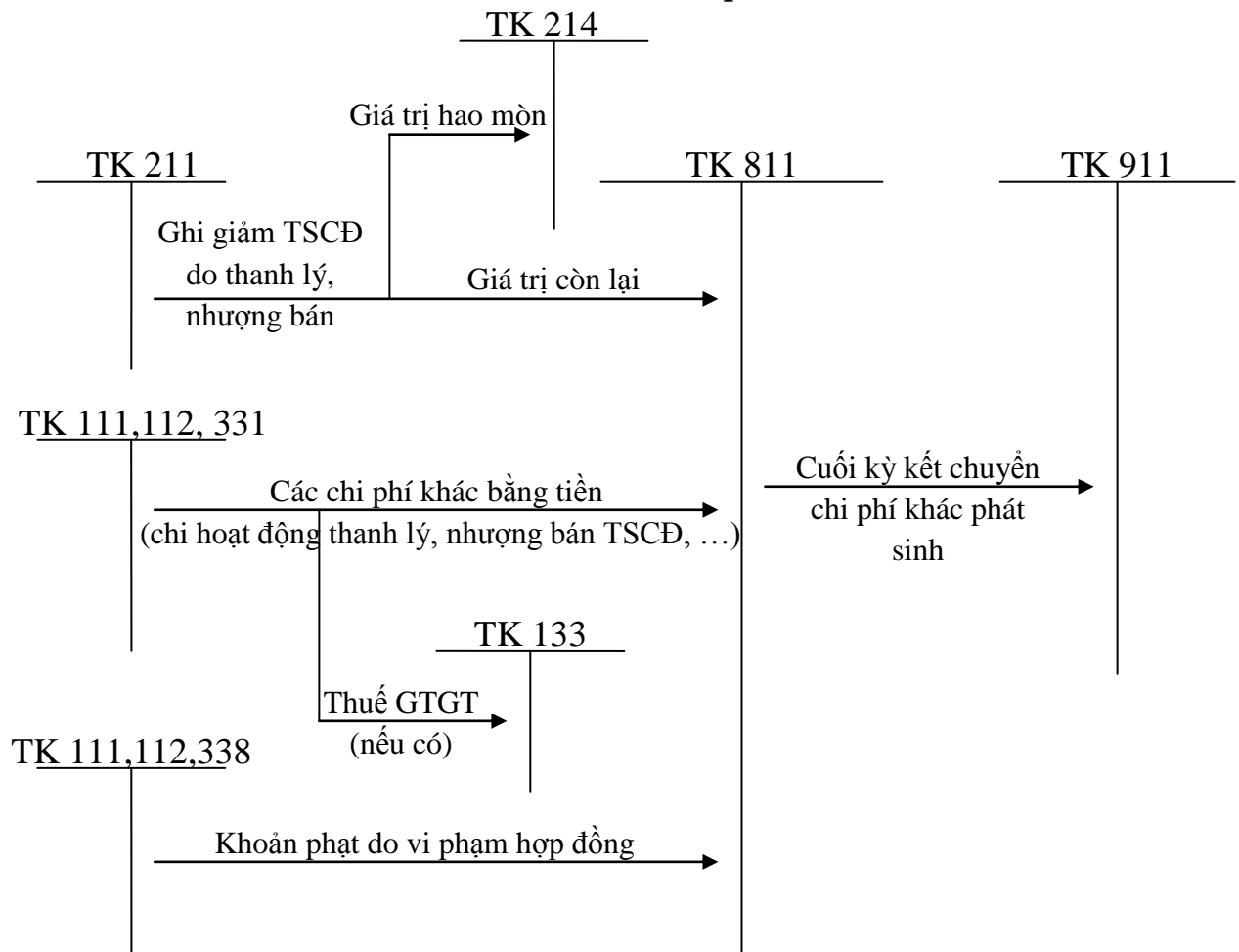
TK 811 không có số dư cuối kỳ

2.6.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.10 – Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.11 – Kế toán chi phí khác



2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chiết khấu thương mại – Giảm giá hàng bán - Hàng bán bị trả lại – Thuế TTĐB, XK (nếu có).
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính** = Thu nhập hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

2.7.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP quản lý kinh doanh, CP hoạt động tài chính, CP khác) - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư,... - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Lợi nhuận nộp cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. - Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

• **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

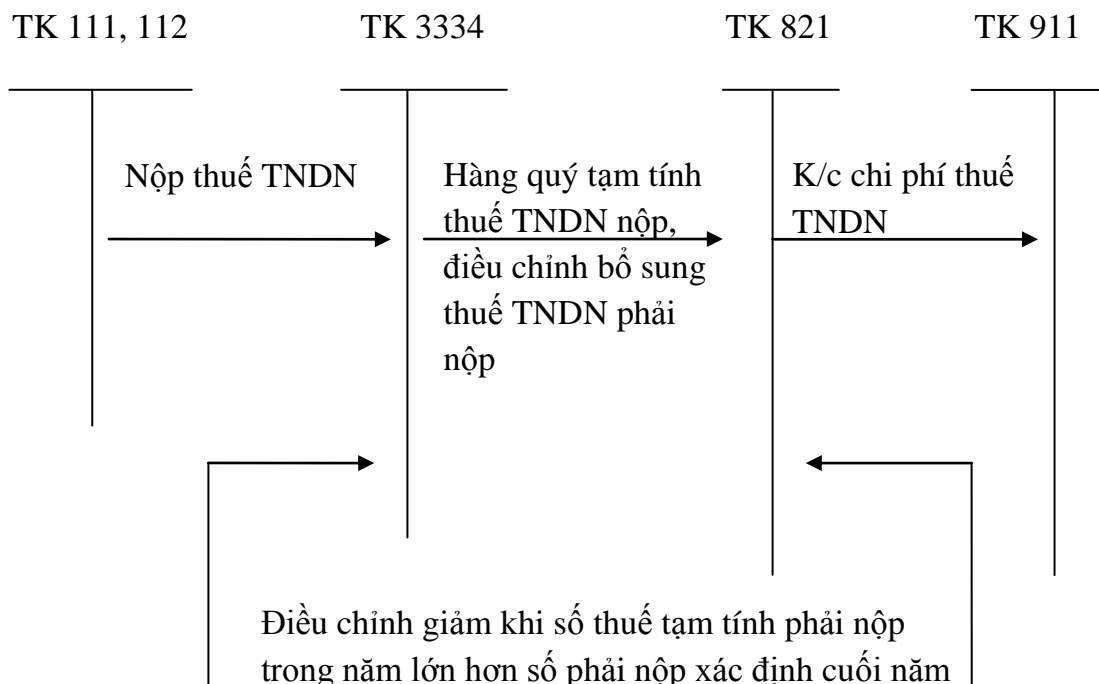
Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Bổ sung thuế TNDN do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

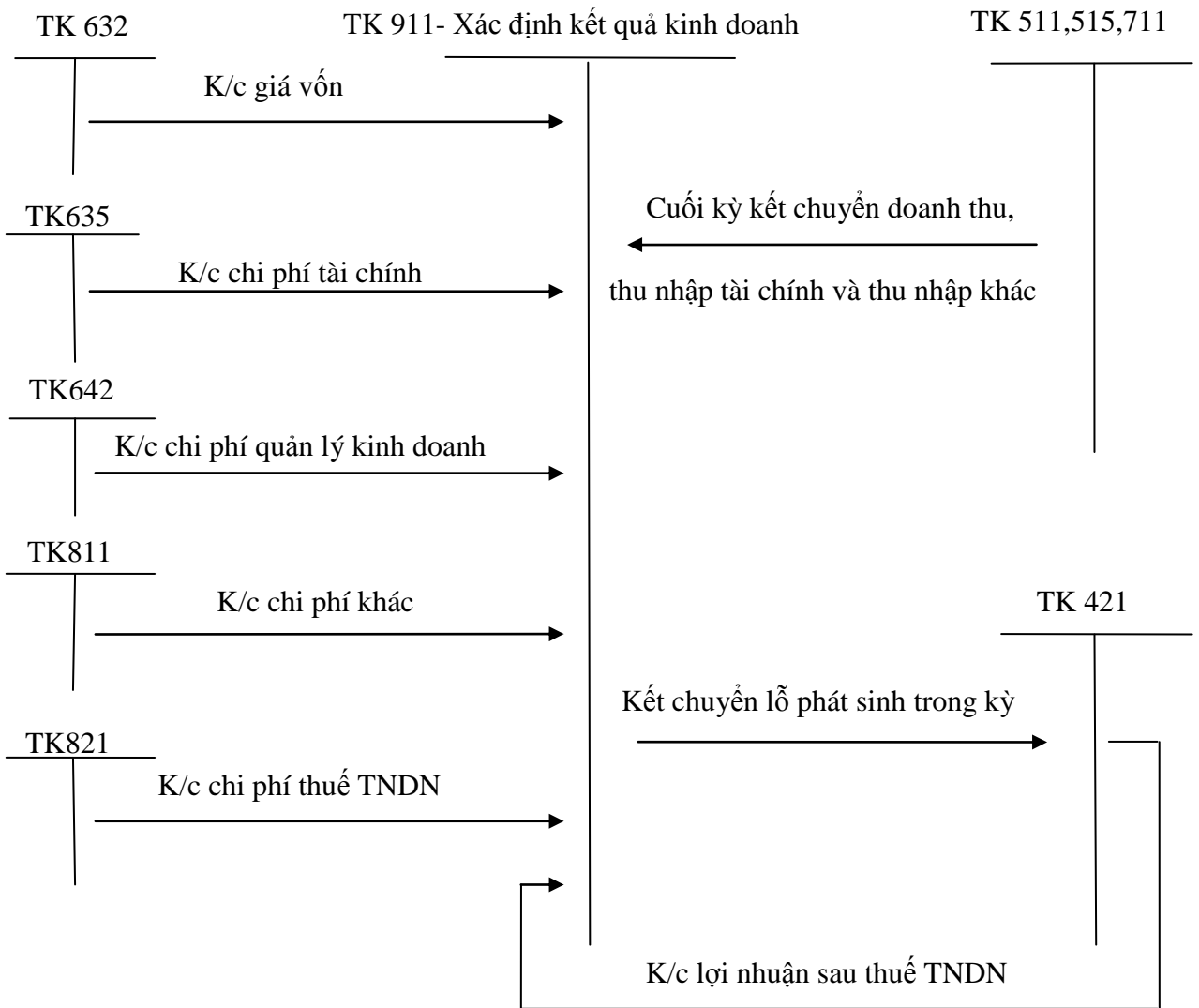
TK 821 không có số dư cuối kỳ

2.7.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.12 – Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.13 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh



3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ đúng quy định của hình thức kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

1. Khái quát chung về công ty CP chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Tên công ty: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Tên giao dịch quốc tế: Cat Hai Joint – Stock Aquatic Processing And Services Company

Tên viết tắt: Cat Hai JSC

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – huyện Cát Hải – thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200432014

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ: 5.300.000.000VNĐ

Điện thoại: 031.388.6258

Fax: 031.388.6621

Email: cathai-jsc@vnn.vn / thuysancathai@thuysancathai.com.vn

Website: www.thuysancathai.com.vn

Giấy CNĐKKD số: 0203000088 cấp ngày 24/7/2001

Lĩnh vực kinh doanh: Gia vị - Chế Biến và Kinh Doanh

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Xí nghiệp nước mắm Cát Hải nay là Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải được thành lập ngày 23/10/1959. Ra đời trong cuộc cải tạo XHCN, đối với các thành phần kinh tế tư nhân, ngót nửa thế kỷ công ty đã vượt qua bao khó khăn, thử thách để không ngừng vươn lên và trưởng thành.

Nước mắm Cát Hải “ Nhãn hiệu độc quyền” của Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải là một sản phẩm truyền thống của dân tộc. Tiền thân của nước mắm Cát Hải ngày nay là nước mắm Vạn Vân được sản xuất từ cá biển với quy trình công nghệ cổ truyền phân giải Protit thành Axitamin bằng phương pháp lên men tự nhiên, không dùng bất cứ chất xúc tác nào, với đặc trưng riêng “Hương thơm – Vị đượm – Giàu dinh dưỡng” , là sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ

sinh an toàn thực phẩm, được đảm bảo bằng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế (HACCP).

Mắm Cát Hải với hương vị rất riêng, được chắt lọc từ nguồn nguyên liệu biển và kết tinh trí tuệ, sức lực của những người công nhân. Sản phẩm nước mắm Cát Hải được Bộ y tế chọn tham gia chương trình dinh dưỡng Quốc Gia đưa vi chất sắt dinh dưỡng vào thực phẩm chống thiếu máu cho nhân dân, đặc biệt là phụ nữ có thai và trẻ em. Lượng người tiêu dùng đã biết đến nhãn hiệu hàng hoá của công ty qua việc mua bán sản phẩm và quảng bá ước tính khoảng 40 đến 50 triệu người. Từ những đánh giá của cơ quan chức năng, sự tín nhiệm của người tiêu dùng đã tạo cho sản phẩm công ty giữ vững và phát triển mạnh trên thị trường. Nhãn hiệu hàng hoá “Nước mắm Cát Hải” đã và đang là thương hiệu quen thuộc với người tiêu dùng.

Từ giữa năm 1959 tới hết năm 1960 công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản doanh diễn ra rất sôi nổi, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Cát Hải tổ chức học tập, giáo dục chính trị và đường lối cải tạo XHCN của Đảng đối với các nhà tư bản, tiểu chủ sản xuất nước mắm, vận động họ góp vốn, công sức vào sản xuất tập thể. Xí nghiệp công ty hợp danh nước mắm Cát Hải ra đời từ đó. Ngày 23/10/1959 Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng ra quyết định số 357/QĐ-UB thành lập xí nghiệp công ty hợp danh nước mắm Cát Hải.

Cuối năm 1995, UBND thành phố đã chấp nhận đề nghị của Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp thành phố, Giám đốc sở thủy sản Hải Phòng ra quyết định số 1835/QĐ – Đổi mới doanh nghiệp ngày 7/11/1995 đổi tên xí nghiệp thành Công ty chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Ngày 11/7/2001 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 1477/QĐ-UB thành lập Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

1.1.2. Tình hình tài chính của công ty**Biểu 1.1 : Một số chỉ tiêu kinh doanh**

Đơn vị tính : VNĐ

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	So sánh	
				Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản	70.774.355.726	73.971.190.037	3.196.834.311	4,52%
2	Tài sản ngắn hạn	65.370.043.473	68.735.072.667	3.365.029.194	5,15%
3	Tài sản dài hạn	5.404.312.253	5.236.117.370	- 168.194.883	- 3,11%
5	Tổng doanh thu	95.366.926.582	119.464.696.952	24.097.770.370	25,27%
6	Lợi nhuận trước thuế	12.529.565.366	11.358.735.043	- 1.170.830.323	- 9,34%
7	Lợi nhuận sau thuế	12.091.030.578	10.790.798.291	-1.300.232.287	-10,75%

1.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

- Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp

- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước

- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước

- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật

- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

1.1.4. Ngành nghề kinh doanh chính

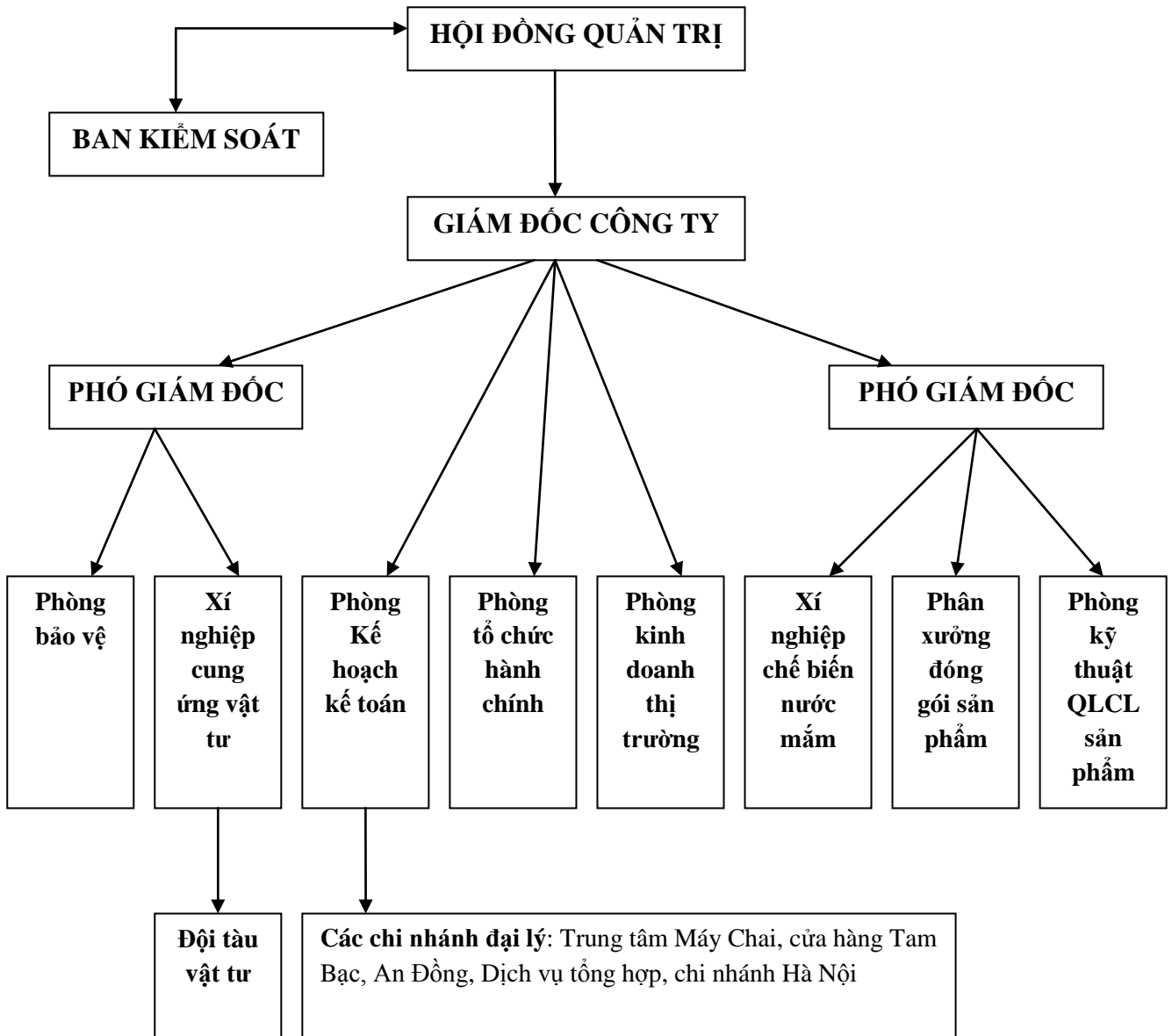
- Công ty kinh doanh lĩnh vực sản xuất: Gia vị - Chế biến.

***Bảng công bố các loại sản phẩm sản xuất tại công ty và thống kê tiêu chuẩn.**

TT	Loại sản phẩm	Số công bố	Số tiêu chuẩn	Số chứng nhận sản phẩm
1	Nước mắm Đặc Biệt	01/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
2	Nước mắm Thượng Hạng	02/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
3	Nước mắm Hạng 1	03/CH	TCVN5107-2003	299/2006/YTHP-CNTC
4	Nước mắm Hạng 2	04/CH	TCVN5107-2003	305/2006/YTHP-CNTC
5	Nước mắm Vị Hương	01	01/2006(TCCS)	296/2006/YTHP-CNTC
6	Nước mắm Cao Đạm	02	02/2006(TCCS)	303/2006/YTHP-CNTC
7	Nước mắm Cốt cá nhám	03	03/2006(TCCS)	302/2006/YTHP-CNTC
8	Nước mắm Cá Quắn	02	05/2006(TCCS)	306/2006/YTHP-CNTC
9	Nước Mắm Cá Mực	06	06/2006(TCCS)	310/2006/YTHP-CNTC
10	Nước Mắm Hạng 1B	07	07/2006(TCCS)	304/2006/YTHP-CNTC
11	Cốt Mắm Tôm	08	08/2006(TCCS)	307/2006/YTHP-CNTC
12	Nước mắm loại 22 đậm	09	08/2006(TCCS)	308/2006/YTHP-CNTC
13	Nước mắm loại 18 đậm	10	10/2006(TCCS)	309/2006/YTHP-CNTC
14	Mắm tôm Cát Hải	11	01/2006(TCCS)	295/2006/YTHP-CNTC
15	Nước mắm Hạng 1B - Bổ sung Sắt	04	04/2006/CH	6130/2006/YT-CNTC
16	Nước mắm Thượng hạng - bổ sung sắt	12	14/2006/CH	624/2007/YT-CNTC
17	Bột canh thường	01	01/2004/BC	530/2004/BCTC-YTHP
18	Bột canh Iốt	02	02/2005/CH	602/2005/CBTC-YTHP
19	Nước mắm hạng I bổ sung vi chất sắt.	12	TCCS 12:2007/CH	2333/2008/YT-CNTC
20	Nước mắm ông sao	13	TCCS 13:2008	688/2008/YTHP-CNTC

1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Sơ đồ 2.1 - Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty



Chỉ dẫn: \longrightarrow Chỉ huy tuyến trong SXKD
 \longleftrightarrow Mối quan hệ lãnh đạo và quản lý

- Hội đồng quản trị hoạt động theo luật DN và điều lệ công ty
- Ban giám đốc hoạt động điều hành theo nghị quyết Đại hội cổ đông

Công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

***Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban:**

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, tổ chức lãnh đạo chung cũng như định hướng và kiểm soát toàn công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp lý trước pháp luật của công ty.

- **Ban Giám đốc công ty:** Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc

Giám đốc: là người điều hành mọi hoạt động của công ty

Phó giám đốc 1: phụ trách thu mua

Phó giám đốc 2: phụ trách tiêu thụ

Chức năng, nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty, HĐQT, trực tiếp chỉ đạo các bộ phận sản xuất của công ty.

- **Xí nghiệp cung ứng vật tư:** Chịu trách nhiệm mua vật tư (nguyên liệu sản xuất, vật tư đóng gói sản phẩm, ...)

- **Đội tàu vật tư:** Chịu trách nhiệm thu mua và vận chuyển nguyên vật liệu, chuyên chở nước mắm đến với các đại lý, trung tâm tiêu thụ sản phẩm.

- **Phòng kế hoạch kế toán:** Chịu trách nhiệm về mặt tài chính kế toán và lập kế hoạch cho các sản phẩm của công ty. Tổ chức quản lý các nguồn vốn, xác định số tài sản vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động kinh doanh. Hạch toán kế toán đúng chế độ, đúng pháp luật, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và hiệu quả. Qua đó phân tích, đánh giá, xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó cùng các phòng ban chức năng khác lên kế hoạch tăng trưởng và phát triển đưa công ty đi lên. Quyết toán các khoản tiền lương, BHXH đúng hạn cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Lưu giữ hồ sơ, các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đủ và đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước, các quỹ để lại...

- **Các chi nhánh đại lý:** Là nơi phân phối sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm mắm của công ty, giới thiệu sản phẩm mới của công ty ra với người tiêu dùng.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý cán bộ, tuyển dụng, đào tạo nhân viên trong toàn công ty. Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá, thiết lập các mục tiêu chất lượng từng thời kỳ của phòng tổ chức – hành chính phù hợp với mục tiêu chung và định hướng phát triển của

công ty. Quản lý trụ sở làm việc, đất đai, tài sản, các thiết bị văn phòng của công ty, quản lý và điều động đội xe của công ty.

- **Phòng kinh doanh thị trường:** Có chức năng khảo sát thị trường để lên kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, có định hướng bán hàng cho từng khu vực, đại lý của công ty.

- **Xí nghiệp chế biến nước mắm:** Nơi sản xuất ra các loại mắm (*mắm cao đạm, mắm chất, mắm cốt,...*)

- **Phân xưởng đóng gói sản phẩm:** Có nhiệm vụ đóng gói sản phẩm.

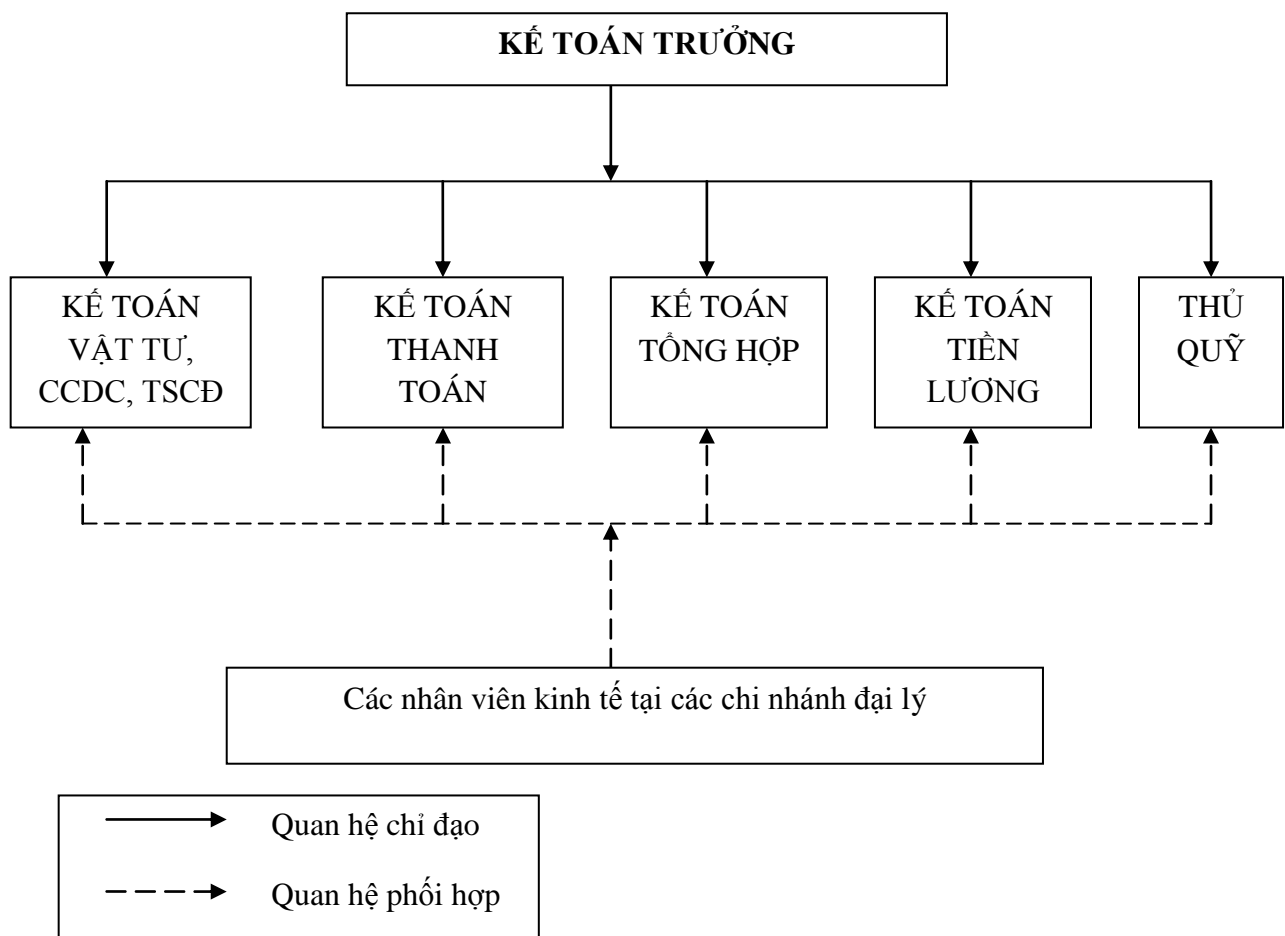
- **Phòng kỹ thuật QLCL sản phẩm:** Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát các công đoạn của quy trình công nghệ. Quản lý các thiết bị trong sản xuất, lập kế hoạch bảo trì, sửa chữa toàn bộ, lập hồ sơ theo dõi thiết bị và tình trạng của thiết bị để đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định. Thiết kế sản phẩm mới, cải tiến công tác sản xuất, sáng kiến sáng tạo hợp lý hoá sản xuất. Xây dựng và tổ chức ban hành quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trực tiếp quản lý các thiết bị giám sát, kiểm tra và đo lường.

1.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán, xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán.

Với chức năng đảm nhận việc lập kế hoạch và hạch toán kế toán, Phòng Kế Hoạch – Kế Toán được tổ chức theo mô hình tập trung. Kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên, các nhân viên có trách nhiệm hạch toán chi tiết và báo cáo cho trưởng phòng.

Sơ đồ 2.2 - Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



***Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán**

- **Kế toán trưởng** : Điều hành hoạt động của phòng Kế hoạch – kế toán, chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Quản lý tất cả các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán, hợp đồng xây dựng mới, hợp đồng sửa chữa,... theo kế hoạch sản xuất xây dựng của công ty. Kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, giá thành sản phẩm. Kiểm tra các chứng từ và báo cáo kế toán của nhân viên trong phòng phát sinh hàng ngày. Phụ trách theo dõi công nợ tiền hàng, phụ trách kế toán tổng hợp, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để báo cáo kịp thời cho lãnh đạo công ty theo định kỳ hoặc đột xuất. Theo dõi kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.

- **Kế toán vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản cố định**: chịu trách nhiệm theo dõi tình hình xuất nhập vật tư. Theo dõi tình hình tăng, giảm, trích khấu hao tài sản cố định. Đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi doanh thu, chi phí, các khoản thuế, tính, lập và nộp tờ khai thuế.

- **Kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm theo dõi tình hình thu - chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giao dịch với ngân hàng về các khoản vay - nợ, các khoản tiền gửi, chuyển tiền.

- **Kế toán tiền lương:** chịu trách nhiệm tính, thanh toán tiền lương và các khoản khác cho người lao động.

- **Kế toán tổng hợp:** chịu trách nhiệm tập hợp chi phí để tính giá thành và có phụ trách tập hợp tất cả số liệu của các phần hành khác nhau để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay HĐQT, GD.

- **Thủ quỹ:** chịu trách nhiệm quản lý tình hình xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu chi, phiếu thu. Hàng ngày phải kiểm kê số tiền thực tế tồn quỹ, đối chiếu sổ sách liên quan.

- **Các nhân viên kinh tế tại các chi nhánh đại lý:** chịu trách nhiệm lập chứng từ và tập hợp chứng từ cuối tháng chuyển về phòng kế hoạch - kế toán của Công ty.

1.4. Tổ chức công tác kế toán

1.4.1. Đặc điểm tổ chức kế toán

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC
- Hình thức ghi sổ: Chứng từ ghi sổ
- Niên độ kế toán: Từ ngày 1/1 đến 31/12 năm N
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

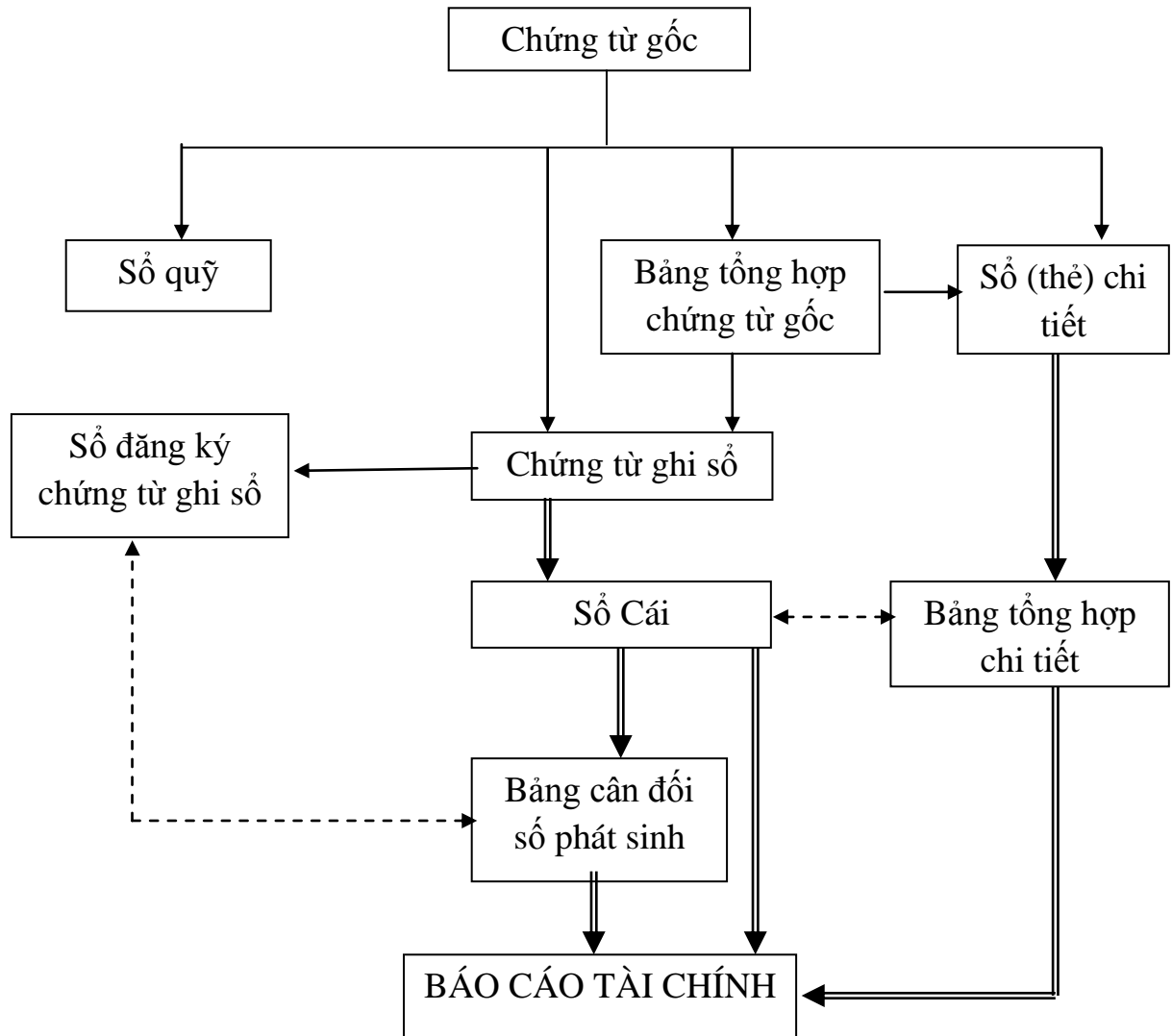
1.4.2. Hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định, căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ kế toán của Nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty áp dụng hình thức kế toán: “Chứng từ ghi sổ”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản
- Sổ chi tiết

Sơ đồ 2.3 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày →
 Ghi định kỳ hoặc cuối tháng ==>
 Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

***Hệ thống báo cáo kế toán**

Báo cáo của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến 31 tháng 12 năm báo cáo.

Báo cáo bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 – DNN)
- Bảng cân đối kế toán (B01 – DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DNN)

Nơi nộp báo cáo: Cơ quan thuế và cơ quan cấp trên.

2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.**

Công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải là doanh nghiệp sản xuất nên doanh thu bán hàng chủ yếu từ hoạt động bán thành phẩm (TK 155)

• Các phương thức bán hàng tại công ty:

- Bán hàng trực tiếp
- Bán hàng theo hợp đồng
- Phương thức gửi đại lý

2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác liên quan

2.1.2. Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.1.3. Ví dụ

Ví dụ 1: (Bán hàng tại công ty) Ngày 23 tháng 5 xuất bán 690 chai mắm Cao đạm bán cho Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên, đơn giá 25.000đ/ chai (chưa có VAT), thu bằng tiền mặt.

- Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0012093, căn cứ vào hóa đơn và các chứng từ khác có liên quan kế toán vào Bảng kê bán hàng hóa, dịch vụ tại công ty.

- Cuối tháng, vào Bảng tổng hợp doanh thu tháng 5, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 511.

Ví dụ 2: (Bán hàng tại các cửa hàng): Ngày 7 tháng 5 năm 2013, Trung tâm Máy Chai bán mắm cho Bà Hồng với trị giá 38.100.000đ (chưa có VAT 10%), thu bằng tiền mặt.

- Khi bán hàng, kế toán tại trung tâm lập hóa đơn GTGT số 0002201. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán vào Bảng kê bán hàng tháng 5.

- Cuối tháng, Trung tâm Máy Chai chuyển Bảng kê bán hàng tháng 5 về công ty, kế toán tại công ty căn cứ vào Bảng kê bán hàng tháng 5 sẽ hạch toán vào Bảng tổng hợp doanh thu tháng 5, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 511.

 <p>CÁT HẢI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI</p>	<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 23 tháng 05 năm 2013</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số: 0012093</p>			
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI Mã số thuế: 0200432014 Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng Điện thoại: 031.3687458 Tài khoản: 2103211000002 tại Ngân hàng NN & PTNT Cát Hải</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: <i>Trần Đức Việt</i> Tên đơn vị: Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên Mã số thuế: Địa chỉ: Hình thức thanh toán: <i>TM Số tài khoản:.....</i></p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Mắm Cao đậm 0,65	Chai	690	25.000	17.250.000
Cộng tiền hàng:					17.250.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.725.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.975.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ
Ngày 23 tháng 05 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/12P
Số: **0002201**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI**
Mã số thuế: 0200432014
Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
Điện thoại: 031.3687458
Tài khoản: 2103211000002 tại Ngân hàng NN & PTNT Cát Hải

Họ tên người mua hàng: **Bà Hồng**
Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ: *Tiên Lãng*
Hình thức thanh toán: *TM* Số tài khoản:.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Mắm Cao đậm 0,65	Chai	950	25.000	23.750.000
	Mắm mực 0,3	Chai	410	35.000	14.350.000
Cộng tiền hàng:					38.100.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.810.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					41.910.000

Số tiền viết bằng chữ: **Bốn mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Thị trấn Cát hải – Hải Phòng

BẢNG KÊ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

(Bán trực tiếp tại công ty)

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

STT	Chứng từ			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Thuế suất	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng						
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]
...
322	AA/11P	12092	23/5/13	Nguyễn Công Mai		10%	Mắm chai	5.403.100	540.310
323	AA/11P	12093	23/5/13	Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên	4600357739	10%	Mắm chai	17.250.000	1.725.000
324	AA/11P	12094	23/5/13	Bà Triều – Cát Bà		10%	Mắm chai	2.700.000	270.000
...
				TỔNG CỘNG				<u>371.959.107</u>	<u>37.195.911</u>

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRUNG TÂM TIÊU THỤ MÁY CHAI

Số 7 – Đường Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG KÊ BÁN HÀNG CỦA TRUNG TÂM MÁY CHAI

Tháng 5 năm 2013

Ngày	Số hóa đơn	Tên và địa chỉ khách hàng	MẢM CHAI							Tiền mặt	Chuyển khoản	Tổng cộng
			Ông sao 0,751	Ông sao 0,381	Cao đạm 0,50	Cao đạm 0,65	Đặc biệt 0,30	Mắm mục 0,30	...			
...
7	2201	Bà Hồng – Tiên Lãng				950			410		41.910.000	41.910.000
7	2202	Ông Tý – Tiên Lãng	30					800			50.737.588	50.737.588
...
22	2406	Bà Hằng – Cẩm Phả			900						36.442.296	36.442.296
22	2407	Nghị Vụ - Thủy Nguyên				670					49.174.125	49.174.125
...
Tổng cộng			52	-	4.243	97.970	536	5.320	...			<u>4.146.006.805</u>
...

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Tháng 5 năm 2013

TT	TÊN KH	DOANH THU			TK 111			TK 131		
		CHƯA THUẾ	THUẾ	CÓ THUẾ	CHƯA THUẾ	THUẾ	CÓ THUẾ	CHƯA THUẾ	THUẾ	CÓ THUẾ
MẮM CHAI										
1	Bán tại công ty	363.593.285	36.359.328	399.952.613	363.593.285	36.359.328	399.952.613			
...
4	TT Máy Chai	3.769.097.095	376.909.710	4.146.006.805				3.769.097.095	376.909.710	4.146.006.805
...
7	CH An Đông	532.332.550	53.233.255	585.565.805				532.332.550	53.233.255	585.565.805
CỘNG		7.482.161.571	748.216.157	8.230.377.728	363.593.285	36.359.328	399.952.613	7.118.568.286	711.856.829	7.830.425.115
...	
TỔNG CỘNG		<u>8.594.913.120</u>	<u>859.491.312</u>	<u>9.454.404.432</u>	<u>371.959.107</u>	<u>37.195.911</u>	<u>409.155.018</u>	<u>8.222.954.013</u>	<u>822.295.401</u>	<u>9.045.249.414</u>

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ	111	1121	2.081.592.615	
Các đơn vị nộp tiền hàng	111	131	5.632.475.012	
Doanh thu bán hàng tại công ty	111	511	371.959.107	
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	111	3331	37.195.911	
...
Cộng			<u>8.784.164.073</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 46/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiêu thụ sản phẩm qua công nợ	131	511	8.222.954.013	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	822.295.401	
Cộng			<u>9.045.249.414</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu TK: 511

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/05	01/05	31/05	Doanh thu hàng bán tại công ty	111		371.959.107	
31/05	46/05	31/05	Tiêu thụ sản phẩm qua công nợ	131		8.222.954.013	
31/05	51/05	31/05	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	8.594.913.120		
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		8.594.913.120	8.594.913.120	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2. Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.3. Ví dụ

Ví dụ 3: Bán hàng tại công ty (tiếp theo Ví dụ 1)

Ngày 23 tháng 5 xuất bán 690 chai mắM Cao đạM bán cho Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên, đơn giá 25.000đ/ chai (chưa có VAT), thu bằng tiền mặt.

- Kế toán lập phiếu xuất kho số 145/05, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán vào Bảng kê xuất kho bán thành phẩm (hàng hóa).
 - Cuối tháng, kế toán vào Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 632.
 - MắM Cao đạM tồn đầu kỳ: số lượng 64.663 chai – trị giá 1.196.265.500đ
 - Sản xuất trong kỳ: số lượng 254.958 chai – trị giá 4.397.102.000đ
- Áp dụng phương pháp Bình quân gia quyền cả kỳ, kế toán tính đơn giá hàng xuất kho của mắM Cao đạM:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{của hàng hóa xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} = \frac{1.196.265.500 + 4.397.102.000}{64.663 + 254.958} = 17.500\text{đ/ chai}$$

⇒ Trị giá mắM xuất bán cho Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên:

$$17.500\text{đ/ chai} \times 690 \text{ chai} = 12.075.000\text{đ}$$

Ví dụ 4: (Bán hàng tại các cửa hàng -tiếp theo Ví dụ 2) Ngày 7 tháng 5 năm 2013, Trung tâm Máy Chai bán mắM cho Bà Hồng với trị giá 37.400.000đ (chưa có VAT 10%), thu bằng tiền mặt.

- Cuối tháng, kế toán trung tâm căn cứ vào số lượng nhập, xuất bán trong tháng, kế toán tại trung tâm lập Báo cáo kho tháng 5 gửi về cho công ty.
- Kế toán công ty căn cứ vào Báo cáo kho của các đơn vị gửi về lập Bảng tổng hợp giá vốn, Chứng từ ghi sổ, Sổ ĐK chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 632.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO *Nợ: TK632*
Ngày **23** tháng **05** năm **2013** *Có: TK 155*
Số: 145/05

Họ và tên người nhận hàng: *Trần Đức Việt*

Địa chỉ (bộ phận): *Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên*

Lý do xuất kho: *Xuất kho theo hóa đơn GTGT số 0012093*

Xuất tại kho (ngăn lô): *Thành phẩm* Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Mắm Cao đậm 0,65		Chai	690	690		
	Cộng			690	690		

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo: *01 hóa đơn GTGT*

Ngày 23 tháng 05 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT KHO BÁN THÀNH PHẨM (HÀNG HÓA)

Tháng 5 năm 2013
Địa điểm: *Kho công ty*

Chứng từ		Mắm cốt quần 0.30	Mắm vị huơng 0.25	Cao đạm 0.65	...	Mắm mực 0.30	Mắm đặc biệt loại 0.30	...	Tổng xuất
Số	Ngày tháng								
PXK 01/05	1/5					60	15		75
...
PXK 145/05	23/5			690					690
PXK 146/05	23/5	250				20			270
...
Tổng xuất		3.600	-	11.140	...	4.860	1.560	...	<u>30.358</u>
Đơn giá		20.000	11.000	17.500	...	21.000	18.000	...	
Thành tiền		72.000.000	-	194.950.000	...	102.060.000	28.080.000	...	<u>540.363.000</u>

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TRUNG TÂM TIÊU THỤ MÁY CHAI
Số 7 – Đường Ngô Quyền – Hải Phòng

BÁO CÁO KHO TRUNG TÂM MÁY CHAI
Tháng 5 năm 2013

TT	Tên hàng	Tồn ĐK	Nhập theo P.xuất	Hao vận chuyển	Nhập thực tế	Tổng xuất	Hao theo xe	Xuất bán thực tế	Tồn CK
A	KHO MẮM CHAI								
1	Mắm Ông sao 0,75	832	-	-	-	52	-	-	780
2	Mắm Ông sao 0,38	567	-	-	-	-	-	-	567
3	Mắm mực 0,3	532	6.750	2	6.748	5325	5	5320	1955
4	Cốt quần 0,3	1.535	4.450	-	4.450	5.840	4	5.836	145
5	Cao đậm 0,65	1.173	132.790	41	132.749	97.970	21	97.949	35.952
6	Cao đậm 0,5	2.676	5.795	15	5.780	4.243	4	4.239	4.213
7	Vị hương 0,25	320	-	-	-	-	-	-	320
8	Đặc biệt 0,3	157	550	-	550	536	5	531	171
...
B	KHO MẮM NƯỚC								
1	Hạng 1	563	8.855	-	8.855	8.542	-	8.542	876
2	Hạng 2	439	7.430	-	7.430	6.674	-	6.674	1.195
3	Mắm chắt A1		-	-	-	-	-	-	
4	Mắm chắt A2		-	-	-	-	-	-	
C	MẮM TÔM + BỘT CANH								
1	Bột canh	1.508	-	-	-	1403	-	1403	105
2	Mắm tôm lỏng	115	690	-	690	720	-	720	85
3	Mắm tôm đặc	148	430	-	430	335	-	335	243

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

THỦ KHO
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI
 Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN
 Tháng 5 năm 2013

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ	632 - 155		632 – 157		TIÊU THỤ TRONG KỲ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
I. Mắm chai các loại		28.026	515.727.000	307.954	5.518.411.000	335.980	6.034.138.000
Mắm cốt quẩn 0.30	20.000	3.600	72.000.000	13.163	263.260.000	16.763	335.260.000
Mắm vị hương 0.25	11.000	-	-	-	-	-	-
Cao đậm 0.65	17.500	11.140	194.950.000	201.719	3.530.082.500	212.859	3.725.032.500
Cao đậm 0.50	15.500	2.190	33.945.000	10.719	166.144.500	12.909	200.089.500
Mắm cốt nhâm 0.70	13.000	1.760	22.880.000	8.995	116.935.000	10.755	139.815.000
Cốt nhâm can 2 lít	24.000	342	8.208.000	9.743	233.832.000	10.085	242.040.000
Mắm A1 can 5 lít	95.000	120	11.400.000	1.574	149.530.000	1.694	160.930.000
Mắm A1 can 2 lít	40.000	528	21.120.000	1.706	68.240.000	2.234	89.360.000
Mắm hạng 1 A	8.000	528	4.224.000	6.828	54.624.000	7.356	58.848.000
Mắm hạng 1 B	2.800	-	-	-	-	-	-
Mắm mực 0.30	21.000	4.860	102.060.000	12.029	252.609.000	16.889	354.669.000
Mắm đặc biệt loại 0.30	18.000	1.560	28.080.000	1.158	20.844.000	2.718	48.924.000
Mắm hạng 1 B sắt	3.000	300	900.000	7.210	21.630.000	7.510	22.530.000

Mắm Thượng hạng sắt	10.000	600	6.000.000	2.484	24.840.000	3.084	30.840.000
Mắm lâu năm	15.000	-	-	-	-	-	-
Hạng 1 can 2 lít	20.000	498	9.960.000	30.543	610.860.000	31.041	620.820.000
Mắm Ông sao 75 (To)	60.000	-	-	83	4.980.000	83	4.980.000
Mắm Ông sao 38 (Bé)	25.000	-	-	-	-	-	-
II. Mắm nước các loại		720	6.840.000	26.156	209.684.500	26.876	216.524.500
Hạng 1	9.500	720	6.840.000	15.071	143.174.500	15.791	150.014.500
Hạng 2	6.000	-	-	11.085	66.510.000	11.085	66.510.000
Mắm chắt A 1	16.000	-	-	-	-	-	-
Mắm chắt A 2	11.000	-	-	-	-	-	-
III. Mắm tôm các loại		1.612	17.796.000	2.985	25.383.000	4.597	43.179.000
Mắm tôm lỏng 0.30	3.000	532	1.596.000	1.616	4.848.000	2.148	6.444.000
Mắm tôm đặc 0.40	15.000	1.080	16.200.000	1.369	20.535.000	2.449	36.735.000
IV. Bột canh các loại	1.500	-	-	3.598	5.397.000	3.598	5.397.000
Tổng cộng		<u>30.358</u>	<u>540.363.000</u>	<u>340.693</u>	<u>5.758.875.500</u>	<u>371.051</u>	<u>6.299.238.500</u>

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH
VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 49/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán tại kho	632	155	540.363.000	
Giá vốn hàng gửi bán	632	157	5.758.875.500	
Cộng			<u>6.299.238.500</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			Số dư đầu tháng				
			Số phát sinh trong tháng				
31/5	49/05	31/5	Giá vốn hàng bán tại kho	155	540.363.000		
31/5	49/05	31/5	Giá vốn sản phẩm xác định tiêu thụ	157	5.758.875.500		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		6.299.238.500	
			Cộng số phát sinh trong tháng		<u>6.299.238.500</u>	<u>6.299.238.500</u>	
			Số dư cuối tháng				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Chi phí bán hàng của Công ty gồm: chi xăng xe, cầu phà vận chuyển mắ; chi phí vận chuyển mắ, chi chào hàng, quảng cáo, chi lương bộ phận bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí CCDC, chi khảo sát thị trường, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty gồm: chi phí công tác phí, chi phí đăng kiểm tàu định kỳ, chi tiếp khách, chi lương bộ phận quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí CCDC, chi phí báo, điện thoại, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi. giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan...

2.3.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản:

- Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.3.3. Ví dụ

Ví dụ 5: Ngày 22 tháng 5 thanh toán chi phí tham gia hội chợ thành phố từ 10/5 – 15/5 cho công ty Cổ phần phát triển thương hiệu Toxebrand bằng tiền mặt. số tiền 13.312.200đ (đã có VAT 10%).

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000172, kế toán lập phiếu chi số 33.
- Cuối tháng vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ Cái TK 641.



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 10 tháng 05 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/12P
Số: 0000172

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU TOXE BRAND**
Mã số thuế: 0201175433
Địa chỉ: 20 Lê Lợi – Ngô Quyền – Hải Phòng
Điện thoại: 031.6649119 – 0936 43 44 79
Tài khoản:

Họ tên người mua hàng: **Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải**
Tên đơn vị:
Mã số thuế: 0200432014
Địa chỉ: **Cát Hải – Hải Phòng**
Hình thức thanh toán: **TM Số tài khoản:.....**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Thuê gian hàng hội chợ		01	12.102.000	12.102.000

Cộng tiền hàng: 12.102.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.210.200

Tổng cộng tiền thanh toán: 13.312.200

Số tiền viết bằng chữ: **Mười ba triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm đồng**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Đơn vị.....	PHIẾU CHI	Số 33/05	Mẫu số 02 – TT	
Địa chỉ.....	Ngày 22 tháng 05 năm 2013		QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC	
Số ĐKDN.....			ngày 14 tháng 9 năm 2006	
	NỢ 641		của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	NỢ 133		Quyển số.....	
	CÓ 111			
Họ và tên người nhận tiền:	Công ty cổ phần phát triển thương hiệu Toxebrand			
Địa chỉ:	20 Lê Lợi – Ngô Quyền – Hải Phòng			
Lý do chi:	Thuê gian hàng hội chợ			
Số tiền:	13.312.200 đ (Viết bằng chữ) Mười ba triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm đồng			
Kèm theo:	01	chứng từ gốc		
		Đã nhận đủ tiền.....		
		Ngày 22 tháng 05 năm 2013		
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Ví dụ 6: Ngày 05/5/2013 công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền chi phí dịch vụ viễn thông tháng 04/2013 phục vụ quản lý, số tiền 1.021.434đ.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2723414, kế toán lập phiếu chi số 5.
- Cuối tháng vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ Cái TK 642.



HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01

Ký hiệu (Serial No): AA/13P

Số (No): 2723414

Mã số thuế: 0200287977

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công Ty Cp Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải

Địa chỉ (Address): Khu 1, Tt Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 912094826

Mã số (code): HPG -04-473328(T3MC1)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

MST: 0200432014

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6= 4x5
	Kỳ cước tháng: 04/2013				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				928.577
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
	(a+b-c-d)	Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):			928.577
	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a)=	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):			92.858
	(1+2-e)	Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):			1.021.435

Số tiền viết bằng chữ (in words): Một triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng

Ngày 05 tháng 05 năm 2013

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signature of dealing staff)

Đơn vị.....	PHIẾU CHI	Số 05/05	Mẫu số 02 – TT	
Địa chỉ.....	Ngày 05 tháng 05 năm 2013		QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC	
Số ĐKDN.....	NỢ 642		ngày 14 tháng 9 năm 2006	
	NỢ 133		của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	CÓ 111		Quyển số.....	
Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông Hải Phòng				
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng				
Lý do chi: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông				
Số tiền: 1.021.435 đ (Viết bằng chữ) Một triệu không trăm hai mươi một nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng				
Kèm theo:	01	chứng từ gốc	Đã nhận đủ tiền.....	
			Ngày 05 tháng 05 năm 2013	
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: **02/05**

Ngày **31 tháng 5 năm 2013**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng	1121	111	3.530.000.000	
...
Chi phí bán hàng	641	111	298.360.251	
Thuế VAT đầu vào	133	111	13.047.540	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	166.346.795	
Thuế VAT đầu vào	133	111	2.966.405	
...
Cộng			<u>8.457.564.925</u>	

Ngày **31 tháng 05 năm 2013**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Chi phí bán hàng
Số hiệu TK: 641

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	07/05	31/5	Khấu hao TSCĐ	214	21.000.000		
31/5	02/05	31/5	Chi phí bán hàng bằng tiền mặt	111	298.360.251		
...
31/5	09/05	31/5	Phân bổ lương: chi phí bán hàng	334	192.870.000		
31/5	09/05	31/5	Phân bổ ăn ca: chi phí bán hàng	334	12.871.000		
...
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		596.891.551	
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		596.891.551	596.891.551	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu TK: 642

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	07/05	31/5	Khấu hao TSCĐ	214	13.530.726		
31/5	02/05	31/5	Chi phí quản lý bằng tiền mặt	111	166.346.795		
...
31/5	04/05	31/5	Chi phí quản lý bằng TGNH	112	83.852.036		
31/5	09/05	31/5	Phân bổ lương: chi phí quản lý	334	143.191.000		
31/5	09/05	31/5	Phân bổ ăn ca: chi phí quản lý	334	9.555.000		
...
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển chi phí quản lý	911		509.229.279	
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		<u>509.229.279</u>	<u>509.229.279</u>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Đối với Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

2.4.2. Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

2.4.3. Ví dụ

Ví dụ 7:

Ngày 25 tháng 5, công ty nhận được thông báo của Ngân hàng ACB Hải Phòng về khoản lãi tiền gửi ngân hàng là 1.971.761đ.

- Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng gửi cho công ty, kế toán vào Chứng từ ghi sổ số , Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 515.

Ngan hang A Chau	GIẤY BẢO CỐ		
Chi nhanh: ACB – CN HAI PHONG	Ngày:	25-05-2013	Ma GDV:
			Ma KH: 45032
			So GD:
Kinh gọi: CTY CP CHE BIEN DICH VU THUY SAN CAT HAI			
Ma so thue: 0200432014			
Hom nay, chung toi xin bao da ghi CO tai khoan cua quy khách hang voi noi dung nhu sau:			
So tai khoan ghi CO:	113383959		
So tien bang so:	1,971,761.00		
So tien bang chu:	MOT TRIEU CHIN TRAM BAY MUOI MOT NGAN BAY TRAM SAU MUOI MOT DONG CHAN		
Noi dung:	Lai nhap von		
Giao dich vien	Kiem soat		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Các đơn vị thanh toán tiền hàng	1121	131	3.807.027.762	
Vay tiền ngân hàng SXKD	1121	311	4.500.000.000	
Ngân hàng NN&PTNT Cát Hải – Trả lãi tiền gửi	1121	515	2.848.100	
Ngân hàng ACB Hải Phòng – Trả lãi tiền gửi (TK TBạc)	1121	515	790.683	
Ngân hàng ACB Hải Phòng – Trả lãi tiền gửi (TK M/Chai)	1121	515	1.971.761	
Cộng			<u>8.312.638.306</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	03/05	31/5	Thu lãi tiền gửi	112		5.610.544	
31/5	51/05	31/5	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	5.610.544		
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		<u>5.610.544</u>	<u>5.610.544</u>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.5. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính trong kỳ bao gồm các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, chi phí chiết khấu cho khách hàng, chênh lệch tỷ giá, chi phí hoạt động tài chính khác.

2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Lệnh chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

2.5.2. Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”.

2.5.3. Ví dụ

Ví dụ 8:

Theo các bản kế ước vay vốn doanh nghiệp đã ký với các cá nhân để huy động vốn bên ngoài, hàng tháng doanh nghiệp phải trả tiền lãi vay cho các bên cho vay bằng mức lãi suất cho vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Cát Hải hiện hành.

Ngoài ra, căn cứ Điều 25 Điều lệ công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, các thành viên Hội đồng quản trị phải cho công ty vay một khoản tiền để huy động vốn kinh doanh với mức lãi suất hàng tháng bằng 75% lãi vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cát Hải.

- Kế toán căn cứ vào Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay tháng 5 lập Phiếu chi số 82.
- Căn cứ vào Phiếu chi số 82, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 635.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

===== @ =====

Văn phòng Công ty: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng
ĐT : (031) 3886.258 - 3886.257 - 3886.262 * Fax : (031) 3886.396
Website : thuousancathai.com.vn

KHẾ ƯỚC VAY VỐN

Căn cứ vào nghị quyết HĐQT công ty ngày 26 tháng 7 năm 2010

Căn cứ vào chức năng quyền hạn của Giám đốc công ty.

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2011.

Bên vay tiền : Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Đại diện ông : Vũ Văn Cao Chức vụ : Giám đốc công ty

Địa chỉ : Thị Trấn Cát Hải – Hải Phòng

Đăng ký Kinh doanh : 0200432014 do UBND thành phố Hải Phòng cấp

Bên cho vay ông (bà) : Nguyễn Thị Làn

Địa chỉ: Cát Hải

Số tiền cho vay : 1.000.000.000đ

Số tiền bằng chữ : (Một tỷ đồng chẵn .) Hai bên thỏa thuận :

- Lãi suất tiền vay vốn của công ty thanh toán bằng với mức lãi suất mà ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cát Hải cho công ty vay theo hạn mức tín dụng vay vốn luân chuyển ngắn hạn theo từng thời điểm. Số tiền lãi suất được thanh toán hàng tháng vào thời điểm cuối tháng.

- Thời hạn vay vốn: từ 6 tháng trở lên.

- Bên cho vay nêu có nhu cầu rút số tiền cho Công ty vay phải thông báo cho công ty biết trước 30 ngày. Khi không còn nhu cầu vay vốn trước khi thanh toán trả cho khách hàng công ty thông báo cho người cho vay vốn trước 30 ngày.

Khế ước lập thành 02 bản bằng tiếng việt có giá trị như nhau mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP TRẢ TIỀN LÃI SUẤT TIỀN VAY

Tháng 5 năm 2013

Lãi suất ngân hàng Cát Hải cho vay tháng 5 là 1%/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN GỐC	LÃI SUẤT	SỐ NGÀY THỰC TẾ	THÀNH TIỀN	KÝ NHẬN
1	Trần Thị Tám	Hải Phòng	305.000.000	1.00%	31	3.151.667	
2	Lâm Hải Tùng	Cát Hải	286.508.200	1.00%	31	2.960.585	
3	Cao Minh Giang	Hải Phòng	1.000.000.000	1.00%	31	10.333.333	
...
74	Nguyễn Thị Làn (Thảo)	Cát Hải	1.000.000.000	1.00%	31	10.333.333	
75	Ngô Văn Quyền	Hải Phòng	300.000.000	1.00%	31	3.100.000	
76	Bùi Xuân Đỉnh	Cát Hải	100.000.000	1.00%	31	1.033.333	
77	Lâm Thị Đát	Cát Hải	230.000.000	1.00%	31	2.376.667	
	Cộng		<u>21.586.849.479</u>		<u>2.418</u>	<u>223.064.111</u>	

Số tiền bằng chữ: (Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi tư nghìn một trăm mười một đồng)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

BẢNG TỔNG HỢP TRẢ LÃI SUẤT TIỀN VAY

Tháng 5 năm 2013

Căn cứ điều 25 Điều lệ công ty Cổ Phần Chế Biến Dịch Vụ Thủy Sản Cát Hải

Nhiệm kỳ 3 năm 2010 – 2012

(Hưởng 75% lãi vay NH)

Lãi suất Ngân Hàng Cát Hải cho vay tháng 5 là 1%/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN GỐC	LÃI SUẤT	SỐ NGÀY THỰC TẾ	THÀNH TIỀN	KÝ NHẬN
1	Phạm Thế Lộc	HĐQT	620.000.000	0.75%	31	4.805.000	
2	Vũ Văn Cao	Giám đốc	617.000.000	0.75%	31	4.781.750	
3	Lâm Văn Rông	BKS	118.491.800	0.75%	31	918.311	
	Cộng		<u>1.355.491.800</u>		<u>93</u>	<u>10.505.061</u>	

Số tiền bằng chữ: (Mười triệu năm trăm lẻ lăm nghìn không trăm sáu mươi một đồng)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đơn vị.....	PHIẾU CHI	Số 82/05	Mẫu số 02 – TT	
Địa chỉ.....	Ngày <i>31 tháng 05 năm 2013</i>		QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC	
Số ĐKDN.....	NỢ 635		ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	CÓ 111		Quyển số.....	
Họ và tên người nhận tiền:	Cán bộ công nhân viên			
Địa chỉ:				
Lý do chi:	<i>Trả lãi tiền vay tháng 5</i>			
Số tiền:	<i>233.569.172 đ (Viết bằng chữ) Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bảy mươi hai đồng</i>			
Kèm theo:	<i>01</i>	chứng từ gốc	Đã nhận đủ tiền.....	
			<i>Ngày 31 tháng 05 năm 2013</i>	
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH
VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: **02/05**

Ngày *31 tháng 5 năm 2013*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...
Chi cổ tức phần còn lại năm 2012	421	111	2.239.063.746	
Chi phí sản xuất chung	627	111	33.525.381	
Thuế VAT đầu vào	133	111	197.619	
Chi trả lãi suất huy động vốn cũ và mới	635	111	233.569.172	
...
Cộng			<u>8.457.564.925</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Số hiệu TK: 635

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	02/05	31/5	Trả lãi suất huy động vốn	111	233.569.172		
31/5	04/05	31/5	Trả lãi tiền vay ngân hàng	112	211.125.000		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển chi phí tài chính	911		444.694.172	
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		<u>444.694.172</u>	<u>444.694.172</u>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.6. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung thu nhập khác của công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho công ty
- Các khoản thu nhập khác

2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng tài khoản 711 – “Thu nhập khác”.

2.6.3. Ví dụ

Ví dụ 9:

Ngày 15 tháng 5. thu tiền từ thanh lý vật tư hỏng. số tiền 520.000đ.

- Kế toán lập Phiếu thu số 8.
- Căn cứ vào Phiếu thu số 8, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 711.

Đơn vị.....	PHIẾU THU	Số 08/05	Mẫu số 02 – TT
Địa chỉ.....	Ngày 15 tháng 05 năm 2013		QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Số ĐKDN.....			ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
NỢ 111			
CÓ 711			
Quyển số.....			
Người nộp tiền:	Nguyễn Thanh Tùng		
Địa chỉ:	Phòng kế toán		
Lý do nộp:	Thu tiền thanh lý vật tư hỏng		
Số tiền:	520.000 đ (Viết bằng chữ) Năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn		
Kèm theo:	01	chứng từ gốc	
Đã nhận đủ tiền.....			
Ngày 15 tháng 05 năm 2013			
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: **01/05**

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...
Các đơn vị hoàn tiền ứng	111	141	61.400.000	
Ô Nhân, Ô Mai, Đoàn tàu nộp tiền bảo hiểm	111	338	5.781.446	
Nộp tiền thanh lý vật tư hỏng	111	711	520.000	
Nộp tiền thanh lý phế liệu của XNĐG	111	711	2.395.000	
...
Cộng			<u>8.784.164.073</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu TK: 711

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			Số dư đầu tháng				
			Số phát sinh trong tháng				
31/5	01/05	31/5	Thu tiền thanh lý vật tư hỏng	111		520.000	
31/5	01/05	31/5	Thu tiền thanh lý phế liệu của XNĐG	111		2.395.000	
31/5	51/05	31/5	Kết chuyển thu nhập khác	911	2.915.000		
			Cộng số phát sinh trong tháng		<u>2.915.000</u>	<u>2.915.000</u>	
			Số dư cuối tháng				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký. họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký. họ tên)

Giám đốc
(Ký. họ tên. đóng dấu)

2.7. **Kế toán chi phí khác**

Chi phí khác là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của công ty. Các khoản chi phí khác tại công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán, giá trị còn lại TSCĐ
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế
- Các khoản chi phí khác

2.7.1. **Chứng từ sử dụng**

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.7.2. **Tài khoản sử dụng**

- Kế toán sử dụng tài khoản 811 – “ Chi phí khác”.

2.7.3. **Ví dụ**

Ví dụ 10:

Ngày 6 tháng 5, thanh toán tiền thuê máy xúc phá tàu HP 0751, số tiền 2.000.000đ.

- Kế toán viết phiếu chi số 11.
- Căn cứ vào Phiếu chi số 11, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ vào Sổ Cái TK 811.

Đơn vị.....	PHIẾU CHI	Số 11/05	Mẫu số 02 – TT
Địa chỉ.....	Ngày 06 tháng 05 năm 2013		QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Số ĐKDN.....			ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
		NỢ 811	
		CÓ 111	Quyển số.....
Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Bằng			
Địa chỉ:	<i>Phòng vật tư</i>		
Lý do chi:	<i>Thuê máy xúc phá tàu HP 0751</i>		
Số tiền:	<i>2.000.000 đ</i> (Viết bằng chữ)	Hai triệu đồng chẵn	
Kèm theo:	<i>01</i>	chứng từ gốc	
		Đã nhận đủ tiền.....	
		<i>Ngày 06 tháng 05 năm 2013</i>	
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
		Người nhận tiền	
		<i>(Ký, họ tên)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: **02/05**

Ngày **31 tháng 5 năm 2013**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...
Thù lao HDQT + BKS	642	111	54.468.722	
Chi tiền thuê máy xúc phá tàu HP 0751Ts	811	111	2.000.000	
...
Cộng			<u>8.457.564.925</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Chi phí khác
Số hiệu TK: 811

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			Số dư đầu tháng				
			Số phát sinh trong tháng				
31/5	02/05	31/5	Tiền thuê máy xúc phá tàu HP 0751	111	2.000.000		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển CP khác	911		2.000.000	
			Cộng số phát sinh trong tháng		<u>2.000.000</u>	<u>2.000.000</u>	
			Số dư cuối tháng				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

❖ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Thuế suất thuế TNDN hiện tại của công ty là 10% và được miễn giảm 50% trên số phải nộp (vì công ty nằm trong diện hưởng ưu đãi theo dự án chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần hoá năm 2001, cổ phần hoá 14 năm).

✚ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối
- Và các tài khoản liên quan.

❖ Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải tháng 5/2013:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	8.594.913.120
- Các khoản giảm trừ doanh thu	=	0
- Doanh thu thuần	=	8.594.913.120
- Giá vốn hàng bán	=	6.299.238.500
- Lợi nhuận gộp	=	2.295.674.620
- Doanh thu hoạt động tài chính	=	5.610.544
- Chi phí tài chính	=	444.694.172
- Chi phí quản lý kinh doanh	=	1.106.120.830
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	750.470.162
- Thu nhập khác	=	2.915.000
- Chi phí khác	=	2.000.000
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	751.385.162
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	=	37.569.258
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	713.815.904

Cuối tháng, kế toán lập:

- Chứng từ ghi sổ số 50/05: Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp trong tháng
- Chứng từ ghi sổ số 51/05: Kết chuyển các tài khoản doanh thu sang bên Có TK 911
- Chứng từ ghi sổ số 52/05 : Kết chuyển các tài khoản chi phí sang bên Nợ TK 911
- Cuối tháng, kế toán vào “Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” và “Sổ cái TK 821”, “Sổ Cái TK 911”, “Sổ Cái TK 421”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 50/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN	821	3334	37.569.258	
Cộng			<u>37.569.258</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 51/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	8.594.913.120	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	5.610.544	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	2.915.000	
Cộng			<u>8.603.438.664</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH
VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 52/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	6.299.238.500	
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	444.694.172	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	596.891.551	
Kết chuyển chi phí quản lý	911	642	509.229.279	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	2.000.000	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	37.569.258	
Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	713.815.904	
Cộng			<u>8.603.438.664</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH
VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 5 năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
01/05	31/5	8.784.164.073	02/05	31/5	8.457.564.925
03/05	31/5	8.312.638.306
...	46/05	31/5	9.045.249.414
...
49/05	31/5	6.299.238.500	50/05	31/5	37.569.258
51/05	31/5	8.603.438.664	52/05	31/5	8.603.438.664
...
Cộng tháng					<u>68.474.503.754</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu TK: 911

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	51/05	31/5	Kết chuyển: Doanh thu bán hàng	511		8.594.913.120	
31/5	51/05	31/5	Kết chuyển: Doanh thu hoạt động tài chính	515		5.610.544	
31/5	51/05	31/5	Kết chuyển: Thu nhập khác	711		2.915.000	
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Giá vốn hàng bán	632	6.299.238.500		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Chi phí tài chính	635	444.694.172		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Chi phí bán hàng	641	596.891.551		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Chi phí quản lý	642	509.229.279		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Chi phí khác	811	2.000.000		
31/5	52/05	31/5	Kết chuyển: Chi phí thuế TNDN	821	37.569.258		
31/5	52/05	31/5	Lợi nhuận	421	713.815.904		
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		8.603.438.664	8.603.438.664	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Năm 2013
Tên tài khoản: Thuế TNDN phải nộp
Số hiệu TK: 821

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu năm</i>				
...
8/04	50/04	8/04	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý II	3334	84.300.050		
30/6	50/06	31/6	Chênh lệch thuế TNDN quý II	3334	54.569.258		
30/06	52/06	30/06	Kết chuyển thuế TNDN quý II	911		138.869.308	
...
			<i>Cộng số phát sinh</i>		<u>567.936.752</u>	<u>567.936.752</u>	
			<i>Số dư cuối năm</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
(Ký. họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký. họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013.
Giám đốc
(Ký. họ tên. đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI**
Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Tháng 5 năm 2013
Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu TK: 421

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>			<u>7.201.436.069</u>	
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	02/05	31/5	Chi cổ tức phần còn lại năm 2012	111	2.239.063.746		
31/5	04/05	31/5	Chi cổ tức còn lại 2012 (bà Làn)	112	724.356.331		
31/5	11/05	31/5	Lợi nhuận tháng 5	911		713.815.904	
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		<u>2.963.420.077</u>	<u>713.815.904</u>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>			<u>4.238.015.992</u>	

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải từ khi chuyển sang công ty cổ phần đã gặp không ít khó khăn, nhiều lúc tưởng chừng như khó có thể vượt qua được nhưng với tư duy nhạy bén của bộ máy lãnh đạo cùng với sự đoàn kết nhất trí cao của cán bộ công nhân viên Công ty đã dần dần khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Sản phẩm nước mắm Cát Hải với hương vị riêng biệt đã ngày càng trở nên quen thuộc và được người tiêu dùng tin cậy, xứng đáng với danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao.

Công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã và đang không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực trong quản lý kinh tế và hạch toán kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ vào việc khẳng định tên tuổi của Công ty trên thị trường.

1.1. Ưu điểm

1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng Kế hoạch - kế toán. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng. Thêm vào đó đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức thực tế và tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi kế toán viên phụ trách một số phần hành khác nhau nên tạo điều kiện đi sâu vào công việc được giao,

có điều kiện phát huy hết khả năng. Cũng vì vậy mà yêu cầu các nhân viên kế toán phải có sự kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn, linh hoạt tạo một môi trường làm việc đoàn kết và hiệu quả. Do vậy phòng kế toán đã làm tốt những nhiệm vụ được giao và làm tham mưu đắc lực cho ban giám đốc về công tác điều hành quản lý.

Công ty chú trọng đến vấn đề nâng cao công tác kế toán, thường xuyên tạo điều kiện cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kế toán.

1.1.2. Về hình thức kế toán

Công ty hiện đang áp dụng kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán, phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Hình thức này cho thông tin nhanh, chính xác, giúp cho công tác điều hành quản lý của doanh nghiệp được cụ thể, sau sát, đúng hướng.

1.1.3. Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng trong hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế, pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bên cạnh những mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán còn sáng tạo, tìm tòi, lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý, đối chiếu.

1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Về tổ chức kế toán doanh thu: Trong kỳ, khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng, ghi nhận doanh thu đều được kế toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho ban quản lý công ty.

Về tổ chức kế toán chi phí: Công tác hạch toán chi phí tại công ty đảm bảo được tính đầy đủ, kịp thời. Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng, điều này đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời về hiệu quả kinh doanh, tạo điều

kiện thuận lợi cho việc ra quyết định về kinh doanh, xử lý các sự cố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải còn tồn tại những hạn chế nhất định.

1.2.1. Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cho việc hạch toán, ghi chép các nghiệp vụ kế toán. Theo QĐ 48/2006/ QĐ-BTC, việc công ty sử dụng 2 tài khoản 641 và 642 để theo dõi, phản ánh các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp là không đúng chế độ.

1.2.2. Về hệ thống sổ sách sử dụng

- Công ty kinh doanh nhiều mặt hàng đa dạng nhưng lại không mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng làm cho việc xác định lợi nhuận của từng mặt hàng rất khó khăn, ảnh hưởng đến việc ra quyết định quản trị của ban lãnh đạo.

- Trong tháng, các khoản chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh khá nhiều nhưng công ty lại không mở sổ theo dõi chi tiết gây khó khăn cho việc theo dõi và quản lý khoản chi phí này.

- Công ty mở các “Chứng từ ghi sổ” còn chưa đáp ứng được mục đích phân loại, tổng hợp các khoản doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh, gây khó khăn trong quá trình lấy số liệu về các tài khoản này.

1.2.3. Về công tác kế toán quản trị

Hầu hết công tác kế toán tại công ty chỉ dừng lại ở góc độ kế toán tài chính mà chưa chú trọng đến công tác kế toán quản trị. Do đó, việc lập và phân tích các số liệu kế toán về doanh thu, chi phí,... chưa được quan tâm thực hiện. Điều này làm giảm chức năng tham mưu cho các nhà quản trị để có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.2.4. Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Hiện nay, mặc dù phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà chỉ mới xây dựng một số phần hành trên chương trình Word, Exel và việc ghi chép thủ công. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp

vụ kế toán phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán của Công ty phải đảm nhận một khối lượng công việc lớn, đòi hỏi phải có máy móc công nghệ trợ giúp là điều rất cần thiết. Công ty đã sử dụng máy tính nhưng chưa tận dụng hết chức năng gây lãng phí và hiệu quả công việc chưa cao.

2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Sự chuyển đổi nền kinh tế từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước cùng sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải không ngừng tự hoàn thiện và nâng cao khả năng của mình để có thể tồn tại và cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất. Trong đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học. Vì vậy, doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với nhu cầu quản lý, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho đơn vị quản lý chặt chẽ hơn trong hoạt động tiêu thụ hàng hóa, từ đó đưa ra các biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, điều tiết chi phí.

Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp.

2.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, dưới góc độ là một sinh viên em xin mạnh dạn đưa ra

một vài ý kiến đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Em hi vọng giúp cho công ty phần nào đó hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

2.2.1. Về tài khoản sử dụng

❖ Đối với việc quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty đang sử dụng 2 Tài khoản 641 và 642 để theo dõi, phản ánh các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là không đúng chế độ. Theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC, công ty nên sử dụng Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh để phản ánh với 2 Tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào số liệu của công ty, em xin lập “Số cái” TK 642 tháng 5 năm 2013 cho Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ THỦY SẢN CÁI HẢI
 Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có	
1	2	3	4	6	7	8	9
			<i>Số dư đầu tháng</i>				
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>				
31/5	07/05	31/5	Khấu hao TSCĐ	214	34.530.726		
31/5	02/05	31/5	Chi phí quản lý kinh doanh bằng tiền mặt	111	464.707.046		
...
31/5	09/05	31/5	Phân bổ lương	334	336.061.000		
31/5	09/05	31/5	Phân bổ ăn ca	334	22.426.000		
...
31/5	11/05	31/5	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.106.120.830	
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		<u>1.106.120.830</u>	<u>1.106.120.830</u>	
			<i>Số dư cuối tháng</i>				

Sổ này có trang. đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2013.
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Về chứng từ sử dụng

Hiện tại, công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC vì vậy công ty nên sử dụng mẫu Phiếu thu, Phiếu Chi ban hành theo quyết định này để thể hiện sự thống nhất.

2.2.3. Về việc hoàn thiện hệ thống sổ sách

❖ Về việc mở sổ chi tiết bán hàng

Công ty nên mở “**Sổ chi tiết bán hàng**” mẫu số **S17 –DNN** theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty kinh doanh nhiều mặt hàng đa dạng, trong đó mỗi mặt hàng có mức chi phí sản xuất, doanh thu và sản lượng tiêu thụ khác nhau nhưng hiện tại công ty vẫn chưa theo dõi riêng việc sản xuất và tiêu thụ này cho từng sản phẩm, điều đó cũng gây khó khăn, ảnh hưởng đến quyết định quản trị của ban lãnh đạo công ty. Việc sử dụng “Sổ chi tiết bán hàng” giúp cho kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ cũng như lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng. Từ đó các nhà quản trị có thể xác định việc sản xuất kinh doanh nên chú trọng vào mặt hàng nào hoặc đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng tiềm năng, cho lợi nhuận cao.

❖ Về việc mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 6421 và TK 6422

Công ty nên mở “**Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**” mẫu số **S18 – DNN** theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Sử dụng “Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh” giúp kế toán theo dõi được thường xuyên, liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí, giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và đưa ra các biện pháp nhằm giảm chi phí trong quá trình kinh doanh của công ty.

Ví dụ: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0012093, kế toán tiến hành vào Sổ chi tiết bán hàng cho mẫu Cao đạm.

Đơn vị: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải
Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **Mắm Cao đạm**

Tháng 5 Năm 2013

Quyển số:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212, 5213)
...
23/5	12088	23/5	Bán cho ông Phúc (CH)	111	30	25.000	750.000		
23/5	12093	23/5	Bán cho Công ty CP phát triển TM Thái Nguyên	111	690	25.000	17.250.000		
23/5	12094	23/5	Bán cho Bà Triều (CB)	111	40	25.000	1.000.000		
...
			Cộng phát sinh		212.859	25.000	5.321.475.000		
			- Doanh thu thuần				5.321.475.000		
			- Giá vốn hàng bán				3.725.032.500		
			- Lãi gộp				1.596.442.500		

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu chi số 5 và Phiếu chi số 33, kế toán vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh.

Đơn vị: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải

Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

- Tài khoản: **6421**

Tháng 5 năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6421					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên	CP dụng cụ	CP khấu hao	CP DV mua ngoài	CP bằng tiền khác
			- Số phát sinh trong kỳ							
...	
7/5	PC 13	7/5	Chi công vận chuyển mắm	111	24.144.168	24.144.168				
...	
22/5	PC 32	22/5	Chi làm biển quảng cáo cho kho hàng và 4 xe ô tô	111	4.470.000				4.470.000	
22/5	PC 33	22/5	Chi phí tham gia hội chợ từ 10/5 – 15/5/2013	111	12.102.000				12.102.000	
...	
			- Cộng phát sinh trong kỳ		596.891.551	253.061.430	24.469.870	21.000.000	180.940.840	117.419.411

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu chi số 5, kế toán vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh.

Đơn vị: Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải
Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

- Tài khoản: **6422**
 Tháng 5 năm 2013

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên	CP dụng cụ	CP khấu hao	CP DV mua ngoài	CP bằng tiền khác
			- Số phát sinh trong kỳ							
...
5/5	PC 5	5/5	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111	928.577				928.577	
5/5	PC 6	5/5	Chi tiếp khách	111	11.120.000	11.120.000
...
31/5	BKH T5	31/5	Khấu hao TSCĐ	214	13.530.726			13.530.726		
...
			- Cộng phát sinh trong kỳ		509.229.279	187.877.580	38.469.870	13.530.726	146.172.812	123.178.291

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

❖ Về việc mở “Chứng từ ghi sổ”

Các “Chứng từ ghi sổ” công ty mở còn chung chung, khái quát, chưa cụ thể, logic. Việc hạch toán các khoản doanh thu, chi phí chưa có “Chứng từ ghi sổ” chi tiết, cụ thể nên việc lấy thông tin, số liệu khi cần còn gặp nhiều khó khăn.

Công ty nên mở các “Chứng từ ghi sổ” theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc theo tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có nội dung tương đương nhau. Theo đó, nên mở các “Chứng từ ghi sổ” riêng cho từng khoản mục doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh để có thể dễ dàng theo dõi, lấy thông tin, số liệu khi cần thiết.

Ví dụ: Theo số liệu về các khoản doanh thu, chi phí trong tháng 5 năm 2013 có thể lập các Chứng từ ghi sổ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: **46/05**

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng tại công ty	111	511	371.959.107	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	37.195.911	
Tiêu thụ sản phẩm qua các đại lý	131	511	8.222.954.013	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	822.295.401	
Cộng			<u>9.454.404.432</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 47/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Ngân hàng NN&PTNT Cát Hải – Trả lãi tiền gửi	1121	515	2.848.100	
Ngân hàng ACB Hải Phòng – Trả lãi tiền gửi (TK Tam Bạc)	1121	515	790.683	
Ngân hàng ACB Hải Phòng – Trả lãi tiền gửi (TK M/Chai)	1121	515	1.971.761	
Cộng			<u>5.610.544</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 48/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền thanh lý vật tư hỏng	111	711	520.000	
Thu tiền thanh lý phế liệu của XNĐG	111	711	2.395.000	
Cộng			<u>2.915.000</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 49/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán tại kho công ty	632	155	540.363.000	
Giá vốn hàng gửi bán	632	157	5.758.875.500	
Cộng			<u>6.299.238.500</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 50/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí khấu hao TSCĐ	642	214	34.530.726	
Chi phí quản lý kinh doanh bằng tiền mặt	642	111	464.707.046	
...
Cộng			<u>1.106.120.830</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 51/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lãi suất huy động vốn	635	111	233.569.172	
Trả lãi tiền vay ngân hàng	635	112	211.125.000	
Cộng			<u>444.694.172</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH VỤ
THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 52/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuê máy xúc phá tàu HP 0751	811	111	2.000.000	
Cộng			<u>2.000.000</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỊCH
VỤ THỦY SẢN CÁT HẢI

Mẫu số S02a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 53/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí thuế TNDN tháng 5	821	3334	37.569.258	
Cộng			<u>37.569.258</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO SỔ

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

2.2.4. Về công tác kế toán quản trị

Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.

Công tác kế toán tài chính có nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin có liên quan và đưa ra kết quả kinh doanh cuối cùng cho ban lãnh đạo và những đối tượng liên quan. Bên cạnh đó, kế toán quản trị có thể dự đoán trước được tình hình sản xuất dựa vào thông tin qua các năm trước, đưa ra những ý kiến để góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Kế toán quản trị trực tiếp cung cấp thông tin cho các nhà quản lý bên trong tổ chức kinh tế - người có trách nhiệm điều hành và kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức đó, đồng thời việc đưa ra quyết định của họ tác động đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Như vậy, kế toán quản trị là một bộ phận đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hệ thống kế toán.

Cả kế toán tài chính và kế toán quản trị đều giúp quản lý doanh nghiệp. Kế toán tài chính quản lý trên toàn công ty, kế toán quản trị quản lý trên từng bộ phận cho tới người cuối cùng có trách nhiệm với các chi phí. Như vậy, việc tổ chức kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán doanh nghiệp sẽ mang tính khoa học, hợp lý và có tính thuyết phục cao.

Vì vậy, công ty nên xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong phòng kế toán để đạt hiệu quả cao nhất trong quản lý kinh doanh.

2.2.5. Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên đưa phần mềm kế toán vào trong công việc để việc tính toán nhẹ nhàng, chính xác và đạt hiệu quả cao hơn. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với công tác kế toán tại công ty như:

➤ **Phần mềm kế toán Fast Accounting**

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Sản phẩm có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

1.Hệ thống	5.Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	9.Báo cáo chi phí theo khoản mục	13.Báo cáo thuế
2.Kế toán tổng hợp	6.Kế toán hàng tồn kho	10.Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp	14.Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
3.Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay	7.Kế toán TSCĐ	11.Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục	15.Quản lý hóa đơn
4.Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	8.Kế toán CCLĐ	12.Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng	16.Thuế thu nhập cá nhân.

➤ **Phần mềm kế toán BRAVO**

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản trị tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam. Phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện.Với BRAVO các

công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh nghiệp được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chông chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

➤ **Phần mềm kế toán Misa sme.net 2012**

Gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan thuế.

Đặc biệt, Misa sme.net 2012 cập nhật thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB,...

Ngoài ra, trên thị trường hiện nay còn rất nhiều phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Seeget, Metadata Accounting, Sas Innova, 3S Accounting,...

2.2.6. Về việc quản lý chi phí

So với năm 2012, chi phí giá vốn hàng bán năm 2013 tăng lên khá nhiều. Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty.

- Công ty nên tìm nguồn cung cấp hàng hoá đầu vào có chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.
- Tiết kiệm chi phí mua hàng: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Tuỳ theo biến động giá cả của thị trường mà nhập hàng với số lượng nhiều hay ít.
- Thương thảo, đàm phán với nhà cung cấp nhằm có được mức giá hợp lý nhất.
- Tìm kiếm thêm những nhà cung cấp mới: có giá cả, chất lượng cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho Ban lãnh đạo công ty nắm được tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của công ty, từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của công ty trong thời gian tới. Bởi vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công việc thường xuyên và cần thiết trong mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, cùng với những lý luận được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thực tiễn, em đã mạnh dạn tìm hiểu và đi sâu vào đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải”**. Khóa luận đã đề cập và giải quyết một số vấn đề tổ chức bộ máy công tác kế toán và việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.

Nội dung của đề tài này khá rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có kiến thức vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn. Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình từ phía các thầy cô giáo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty, các cô chú, anh chị phòng Kế hoạch – Kế toán Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải đã tạo điều kiện cho em trong quá trình thực tập tại công ty. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Ths. Phạm Văn Tường và các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Lê Hoàng Hải Ninh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các khóa luận năm trước
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải.
5. Cẩm nang nghiệp vụ kế toán – tài chính (Nhà xuất bản Tài Chính)
6. Wedside: www.google.com.vn